

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trần Thị Mai Anh

Giảng viên hướng dẫn : Ths. Lê Thị Nam Phương

HẢI PHÒNG – 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trần Thị Mai Anh

Giảng viên hướng dẫn : Ths. Lê Thị Nam Phương

HẢI PHÒNG - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Thị Mai Anh

Mã SV:1412401197

Lớp: QT1802K

Ngành: Kế toán-Kiểm Toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại công ty cp vận tải xăng dầu VIPCO.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu tính toán và các bản vẽ).
 - Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp
 - Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO.
 - Đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế. tính toán.
 - Sử dụng số liệu kế toán năm 2016 của Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Lê Thị Nam Phương

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cp vận tải xăng dầu VIPCO.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 12 tháng 3 năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 02 tháng 6 năm 2018

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Trần Thị Mai Anh

Ths. Lê Thị Nam Phương

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2018

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: T.S Lê Thị Nam Phương
Đơn vị công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng
Họ và tên sinh viên: Trần Thị Mai Anh Chuyên ngành: Kế Toán – Kiểm Toán
Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO.
Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO.

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của đề án/ khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

.....
.....
.....

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2018

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	1
1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	2
1.1.1 Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.2 Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	3
1.1.2.1 Doanh thu.....	3
1.1.2.2 Chi phí.....	5
1.1.2.3 Xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	6
1.1.3 Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	7
1.2 NỘI DUNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	7
1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu của doanh nghiệp.....	7
1.2.1.1 Chứng từ sử dụng.....	7
1.2.1.2 Tài khoản kế toán sử dụng.....	7
1.2.1.3 Phương pháp hạch toán.....	9
1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán.....	11
1.2.2.1 Chứng từ sử dụng.....	12
1.2.2.2 Tài khoản sử dụng.....	12
1.2.2.3 Phương pháp hạch toán.....	13
1.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	15
1.2.3.1 Chứng từ sử dụng.....	15
1.2.3.2 Tài khoản sử dụng.....	15
1.2.3.3 Phương pháp hạch toán.....	15
1.2.4 Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính.....	17
1.2.4.1 Chứng từ sử dụng.....	17
1.2.4.2 Tài khoản sử dụng.....	17

1.2.4.3	Phương pháp hạch toán.....	18
1.2.5	Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.....	20
1.2.5.1	Chứng từ sử dụng.....	20
1.2.5.2	Tài khoản sử dụng.....	20
1.2.5.3	Phương pháp hạch toán.....	20
1.2.6	Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	22
1.2.6.1	Chứng từ sử dụng.....	22
1.2.6.2	Tài khoản sử dụng.....	22
1.2.6.3	Phương pháp hạch toán.....	23
1.3	TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	25
1.3.1	Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	25
1.3.2	Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái.....	26
1.3.3	Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	27
1.3.4	Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	28
	CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO.....	32
2.1.	Khái quát chung về công tác kế toán tại công ty cp vận tải xăng dầu VIPCO.....	32
2.1.1.	Quá trình hình thành và phát triển của công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO.....	32
2.1.2.	Đặc điểm tổ chức kinh doanh của công ty.....	32
2.1.2.1.	Lĩnh vực hoạt động của công ty.....	32
2.1.2.2.	Đặc điểm tổ chức quản lý của công ty.....	33
2.1.2.3.	Đặc điểm tổ chức kế toán.....	35
2.2.	THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO.....	38
2.2.1.	Kế toán bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	38
2.2.1.2	Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	38
2.2.1.3	Quán trình hạch toán.....	39
2.2.1.4	Ví dụ minh họa.....	40
2.2.2	Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO.....	44

2.2.2.1 Nội dung của giá vốn hàng bán tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO	44
2.2.2.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng	44
2.2.2.3 Quy trình hạch toán	44
2.2.2.4 Ví dụ minh họa	46
2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	51
2.2.3.1 Nội dung của chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO	51
2.2.3.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng	51
2.2.3.3 Quy trình hạch toán	51
2.2.3.4 Ví dụ minh họa	52
2.2.4 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO	58
2.2.4.1 Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO	58
2.2.4.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng	58
2.2.4.3 Quy trình hạch toán	58
2.2.4.4 Ví dụ minh họa	59
2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	65
2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO	65
2.2.6.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng	65
2.2.6.2 Quy trình hạch toán	65
2.2.6.3 Ví dụ minh họa	65
CHƯƠNG III MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO	75
3.1 Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán	75
3.2 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO	75
3.2.1 Ưu điểm	76
3.2.2 Hạn chế	78
3.3 Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO	79

3.3.1 Tính tất yếu của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	79
3.3.2 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO.....	79
KẾT LUẬN	82

LỜI MỞ ĐẦU

Trong xu thế toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới như hiện nay sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp diễn ra vô cùng gay gắt và quyết liệt. Tháng 11 năm 2006, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của tổ chức Thương mại thế giới WTO. Đây là một cơ hội và thách thức không nhỏ cho các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp vận tải như Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO. Để tồn tại và phát triển vững trãi trên thị trường các doanh nghiệp phải xây dựng cho mình những giải pháp cạnh tranh hiệu quả có thể đánh bật các đối thủ trên thương trường. Trong những giải pháp được đặt ra cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ thì giải pháp là xây dựng một bộ máy kế toán hiệu quả và phù hợp với mỗi doanh nghiệp.

Qua quá trình tìm hiểu về tổ chức công tác kế toán tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO, em quyết định chọn đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO”** làm đề tài khóa luận tốt nghiệp. Ngoài lời mở đầu và kết luận, đề tài khóa luận tốt nghiệp bao gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học dân lập Hải Phòng, đặc biệt là sự hướng dẫn tận tình của giáo viên hướng dẫn Th.S Lê Thị Nam Phương. Đồng thời em xin cảm ơn sự giúp đỡ của Ban lãnh đạo và tập thể nhân viên phòng kế toán Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO đã tạo điều kiện để em hoàn thành bài khóa luận này. Do thời gian và trình độ có hạn nên bài viết của em không thể tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

CHƯƠNG I

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1.1 Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp cần phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đáp ứng nhu cầu thị trường. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh đó thì khâu tiêu thụ là khâu cuối cùng đóng vai trò quan trọng đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài phần doanh thu có được từ bán hàng và cung cấp dịch vụ thì doanh thu còn bao gồm khoản thu từ các hoạt động khác mang lại.

Việc tổ chức khâu tiêu thụ sẽ đảm bảo nguồn tài chính cho doanh nghiệp trang trải các khoản chi phí hoạt động và thực hiện tốt quá trình tái sản xuất, tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, doanh thu còn là nguồn cung cấp để các doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Bên cạnh đó, doanh thu còn có thể là nguồn tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác. Tuy nhiên, nếu doanh thu trong kỳ không đủ bù đắp các khoản chi phí doanh nghiệp đã bỏ ra thì doanh nghiệp sẽ gặp nhiều khó khăn về mặt tài chính. Bên cạnh đó, kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh còn là cơ sở để đánh giá hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, là điều kiện để cung cấp các thông tin cần thiết cho Ban lãnh đạo phân tích lựa chọn những phương án tối ưu cho doanh nghiệp. Chính vì vậy, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lý và phù hợp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho doanh nghiệp, cơ quan quản lý để doanh nghiệp phát triển bền vững hơn.

1.1.2 Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.2.1 Doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu. Doanh thu bao gồm:

➤ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được từ việc bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có) trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng:

❖ Phương thức bán hàng trực tiếp

Theo phương thức bán hàng trực tiếp người mua đến nhận hàng tại kho doanh nghiệp bán. Sau khi người doanh nghiệp giao hàng, người mua kí vào hóa đơn chứng từ bán hàng chấp nhận thanh toán thì số hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ và ghi nhận doanh thu.

❖ Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng

Theo phương thức này bên bán chuyển hàng cho bên mua theo các điều kiện đã ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của doanh nghiệp. Khi người mua chấp nhận thanh toán và ký nhận hàng thì toàn bộ lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua và thời điểm đó bên bán được ghi nhận doanh thu.

❖ Phương thức bán hàng gửi đại lý

Theo phương thức này doanh nghiệp giao hàng cho cơ sở đại lý, bên nhận đại lý sẽ trực tiếp bán hàng và phải thanh toán tiền hàng cho doanh nghiệp và được hưởng hoa hồng đại lý bán. Số hàng hóa gửi đại lý bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, số hàng hóa này được xác định tiêu thụ khi doanh nghiệp nhận được tiền do bên đại lý thanh toán hoặc thông báo số hàng đã bán được.

❖ Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp

Phương thức này bán hàng sẽ phải thu tiền nhiều lần. Khi doanh nghiệp giao hàng cho khách hàng thì lượng hàng đó được xác định là tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng.

❖ **Phương thức hàng đổi hàng**

Doanh nghiệp dùng hàng hóa của mình để đổi lấy những mặt hàng thiết yếu mà Công ty có nhu cầu. Giá trao đổi là hiện hành của vật tư, hàng hóa cung cấp trên thị trường.

➤ **Các khoản giảm trừ doanh thu:**

✓ **Chiết khấu thương mại:** Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng đã mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một khoảng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán hàng.

✓ **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) giảm trừ cho bên mua trong trường hợp: hàng hóa bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn đã ghi trong hợp đồng...

✓ **Hàng bán bị trả lại:** Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận giá trị hàng bán bị trả lại đồng thời ghi giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.

✓ **Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp:**

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh một số mặt hàng đặc biệt mà Nhà nước không khuyến khích.

- Thuế xuất khẩu: là loại thuế được đánh vào tất cả hàng hóa dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

- Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp: là thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Vì vậy, số tiền thuế GTGT phải nộp trong kỳ tương ứng với doanh thu của doanh nghiệp đã xác định.

➤ **Doanh thu thuần**

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ với các khoản giảm trừ doanh thu.

➤ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư phát triển, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa dịch vụ, lãi cho thuê tài chính, thu nhập từ cho thuê tài sản...

➤ **Thu nhập khác**

Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu

1.1.2.2 Chi phí

Theo chuẩn mực số 01 QĐ số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính chi phí bao gồm các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình kinh doanh thông thường của doanh nghiệp và các chi phí khác. Chi phí bao gồm các khoản sau:

➤ **Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của một số sản phẩm hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

➤ **Chi phí quản lý kinh doanh**

Chi phí quản lý kinh doanh là những khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, quản lý của doanh nghiệp như chi phí quảng cáo, chi phí hoa hồng đại lý, chi phí nhân viên bán hàng, chi phí lương nhân viên, khấu hao tài sản cố định, các khoản thuế lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài...

➤ **Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

➤ **Chi phí khác**

Chi phí khác là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp như: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại, tiền phạt do vi phạm hợp đồng (nếu có).

➤ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản chi phí phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

1.1.2.3 Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

$$\text{Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

$$\text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

$$\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} = \text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV} + \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính} - \text{Chi phí quản lý kinh doanh}$$

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận khác}$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp}$$

1.1.3 Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã... đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ bán ra.
- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu và giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh để cuối kỳ tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- Theo dõi thường xuyên, liên tục, tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu từ hoạt động tài chính, thu nhập khác.
- Theo dõi chi tiết các tài khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí từng hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.
- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- Cung cấp các thông tin kế toán chính xác, kịp thời phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.
- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.
- Đưa ra những ý kiến, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp cho ban lãnh đạo có những kế hoạch cụ thể cho hoạt động của doanh nghiệp.

1.2 NỘI DUNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu của doanh nghiệp

1.2.1.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng;
- Phiếu xuất khi bán hàng, phiếu nhập kho bán hàng bị trả lại;
- Phiếu thu, phiếu chi;
- Giấy báo có của ngân hàng;
- Ủy nhiệm chi;
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan.

1.2.1.2 Tài khoản kế toán sử dụng

- ❖ **Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết cấu của tài khoản 511:

+ Bên Nợ:

Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là bán trong kỳ kế toán.

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

+ Bên Có:

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

+ Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành 4 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5118: Doanh thu khác

❖ Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong quá trình thanh toán khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn, hàng hóa bị khách hàng trả lại, hoặc hàng bán được giảm giá.

+ Bên Nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền hàng cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán.
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách trong hợp đồng kinh tế.

✚ Bên Có:

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu của kỳ kế toán.

✚ Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ và có 3 tài khoản cấp 2:

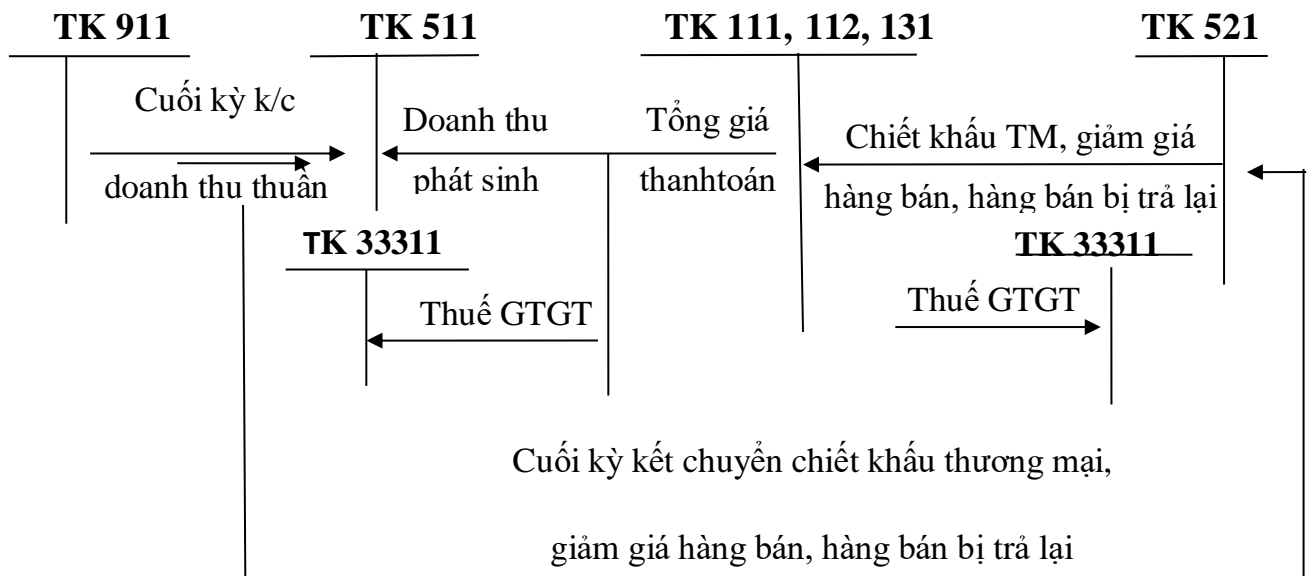
- Tài khoản 5211: Chiết khấu thương mại
- Tài khoản 5212: Hàng bán bị trả lại
- Tài khoản 5213: Giảm giá hàng bán

Ngoài ra để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu kế toán còn sử dụng các tài khoản như:

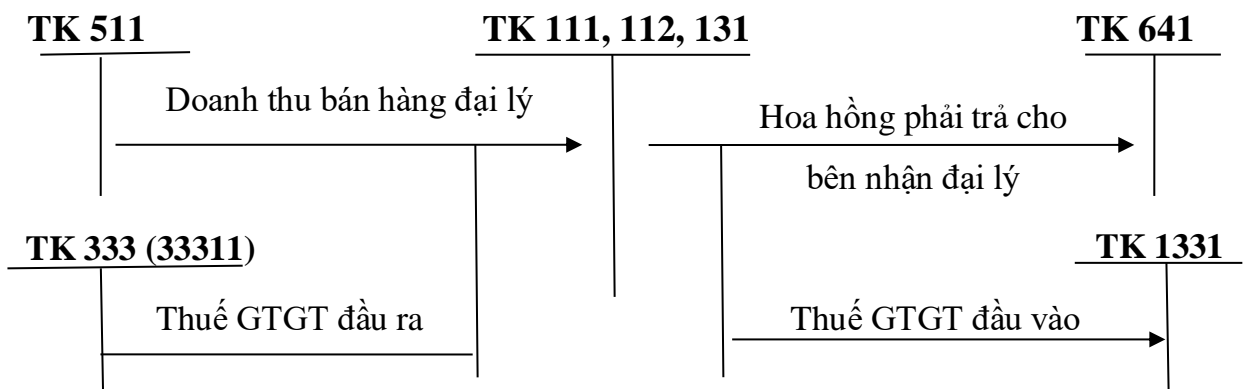
- TK 3332 “Thuế tiêu thụ đặc biệt”
- TK 3333 “Thuế xuất khẩu”
- TK 3331 “Thuế GTGT phải nộp”

1.2.1.3 Phương pháp hạch toán

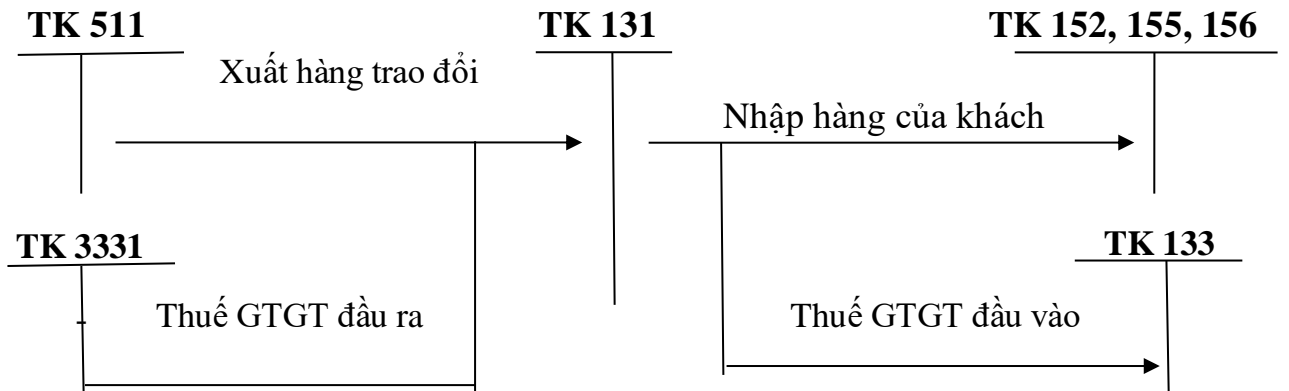
Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trực tiếp



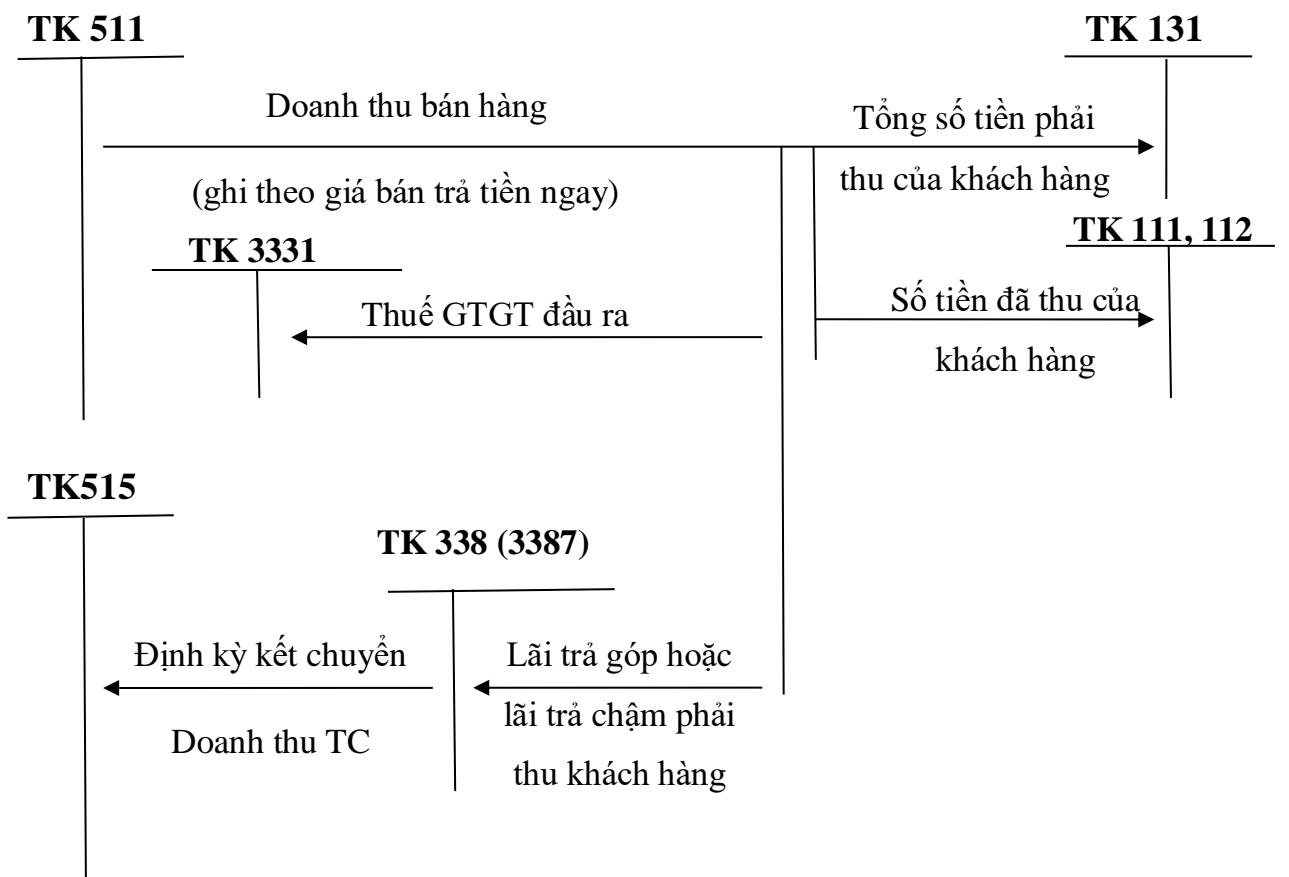
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức ký gửi đại lý



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức hàng đổi hàng



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trả chậm, trả góp



1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán

- **Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho:**

- **Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO)**

Áp dụng dựa trên giá định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì trị giá xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở những lần nhập sau cùng.

- **Phương pháp bình quân gia quyền**

Trị giá thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền theo công thức:

$$\text{Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho} = \text{Số lượng hàng xuất kho} * \text{Đơn giá bình quân gia quyền}$$

Nếu đơn giá bình quân được tính cho cả kỳ được gọi là phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế của hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị mua thực tế của hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}}$$

Nếu đơn giá bình quân được tính sau mỗi lần nhập được gọi là phương pháp bình quân liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}$$

- **Phương pháp giá thực tế đích danh**

Được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được. Phương pháp này căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô hàng nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó.

1.2.2.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT
- Thẻ tính giá thành
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

- Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:

✚ Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Chi phí nguyên liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Số trình lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

✚ Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

✚ Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

- Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

✚ Bên Nợ:

- Kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ.
- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

✚ Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa tiêu thụ.
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.

- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào Bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là bán trong kỳ vào Bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- ❖ Tài khoản 631 – Giá thành sản xuất

Tài khoản này dùng để phản ánh tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ ở các đơn vị sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp và các đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải, bưu điện, du lịch, khách sạn... trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

 **Bên Nợ:**

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ.
- Chi phí sản xuất kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ.

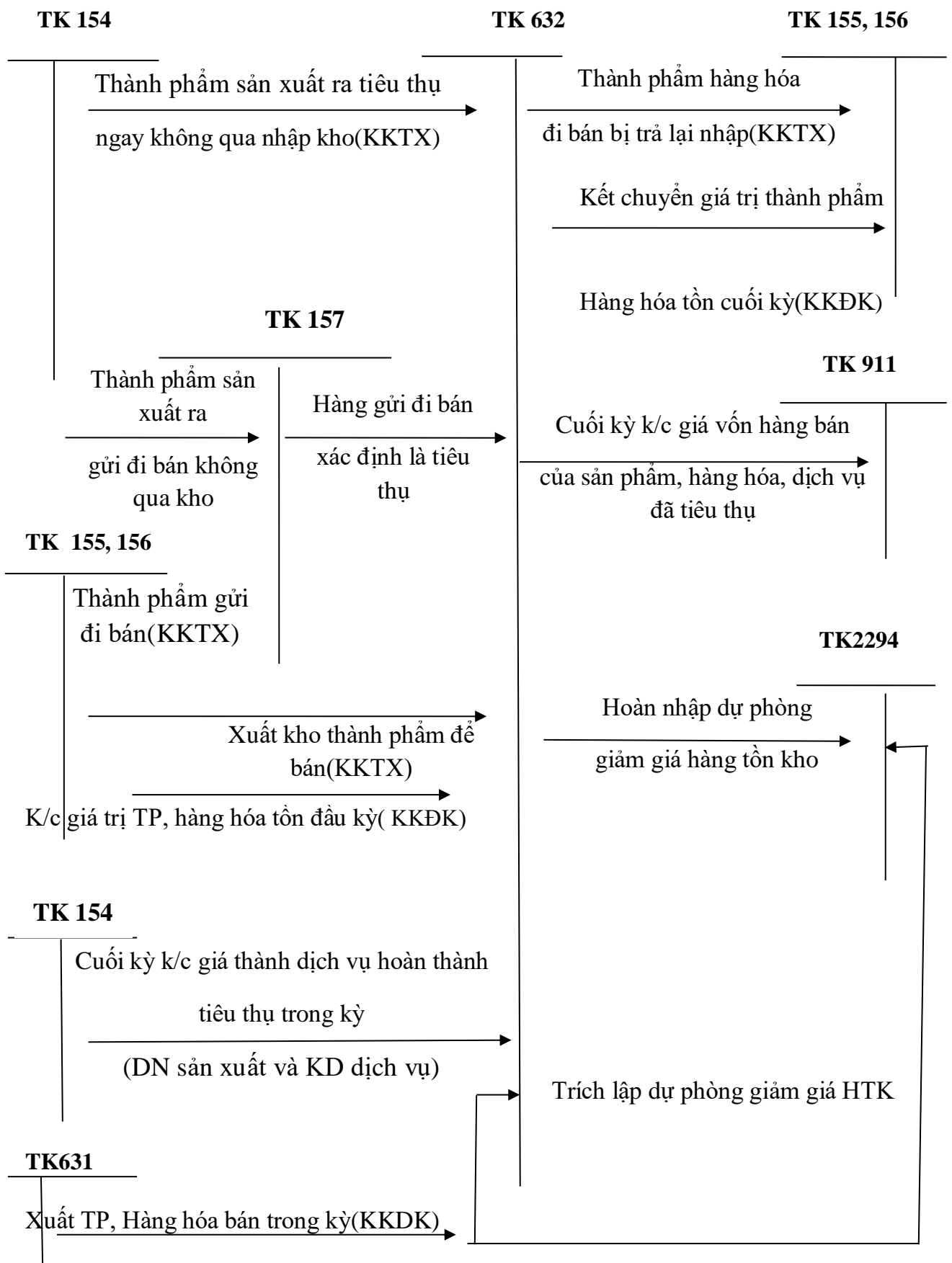
 **Bên Có:**

- Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào TK 632 “Giá vốn hàng bán”.
- Chi phí sản xuất kinh doanh, dịch vụ dở dang cuối kỳ kết chuyển vào TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”.

 **Tài khoản 631 không có số dư cuối kỳ.**

1.2.2.3 Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán



1.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh chỉ dùng cho chế độ vừa và nhỏ

1.2.3.1 Chứng từ sử dụng

- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định.
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.
- Bảng phân bổ tiền lương và lao động xã hội.
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn thông thường.
- Phiếu chi.
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng.
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan.

1.2.3.2 Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung, chi phí về bán hàng của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

✚ Bên Nợ:

- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ.
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

✚ Bên Có:

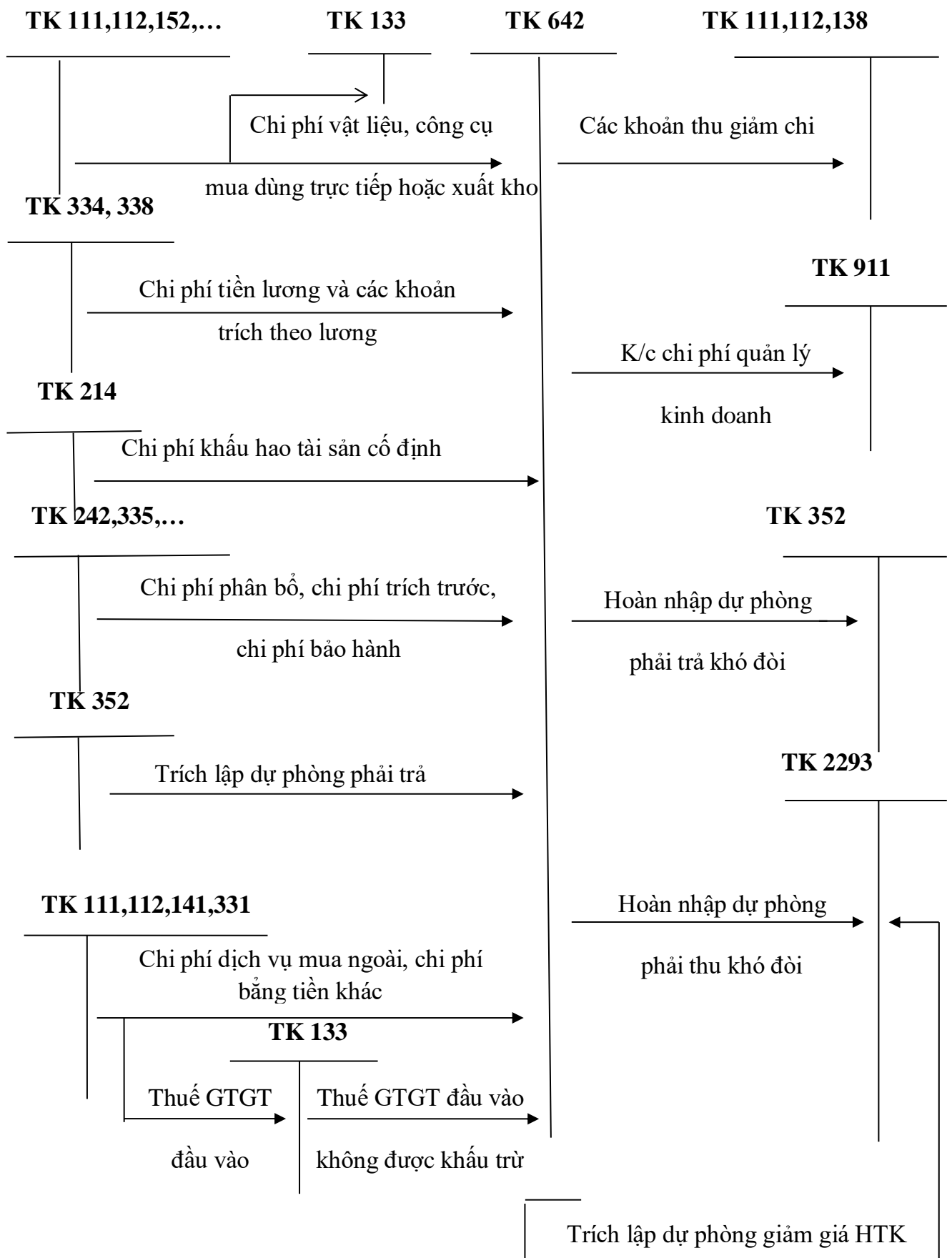
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

✚ Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6421 – Chi phí bán hàng
- Tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.3.3 Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán chi phí quản lý kinh doanh



1.2.4 Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính

1.2.4.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.4.2 Tài khoản sử dụng

❖ TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

✚ Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911

✚ Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

✚ Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

✚ Bên Nợ:

- Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản chính.
- Lỗ bán ngoại tệ
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.

- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

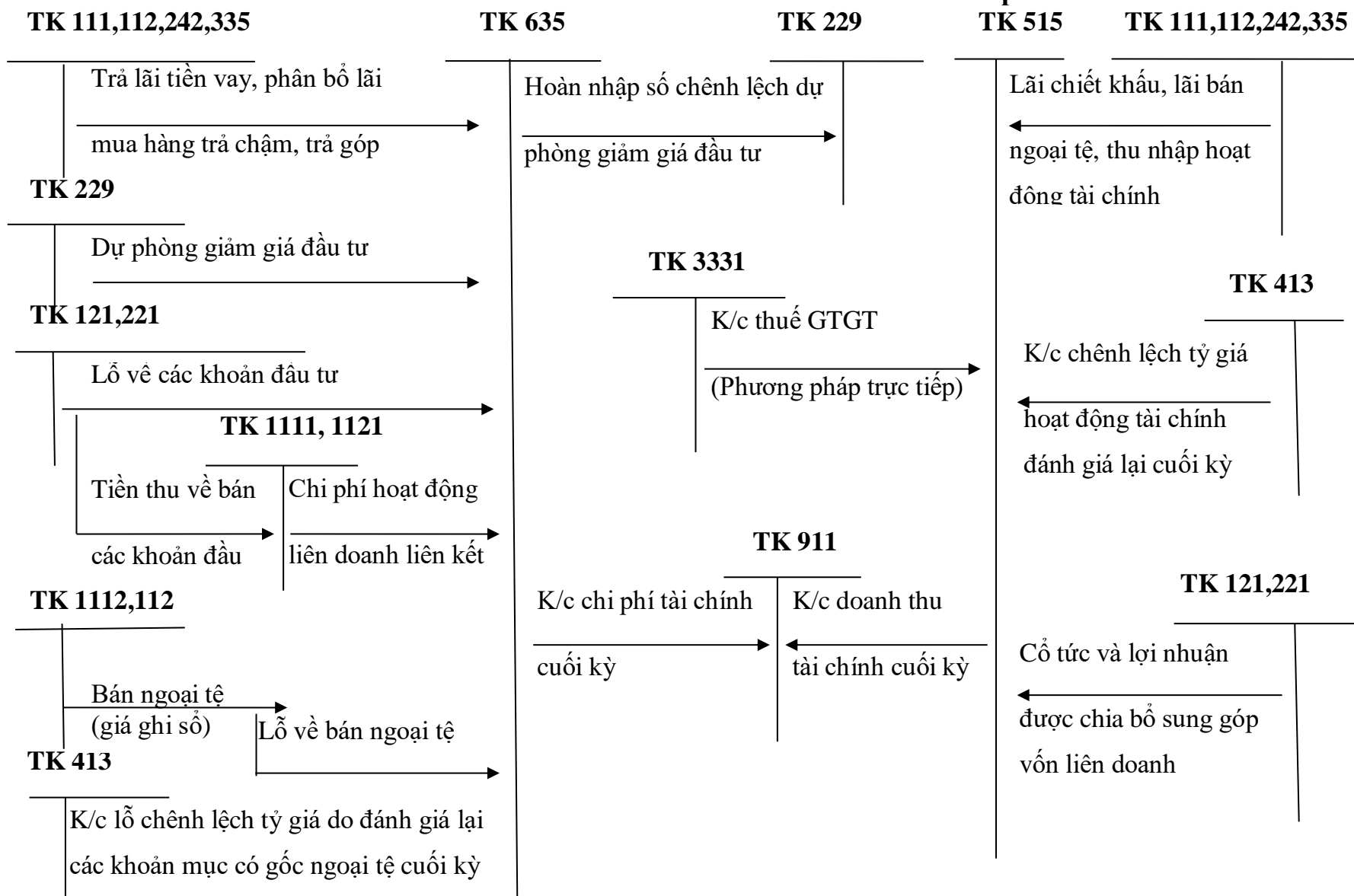
+ Bên Có:

- Hoàn thành dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

+ Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

1.2.4.3 Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính



1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.5.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan

1.2.5.2 Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 711 – Thu nhập khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

✚ Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

✚ Bên Có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

✚ Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 811 – Chi phí khác

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

✚ Bên Nợ:

- Các khoản chi phí phát sinh

✚ Bên Có:

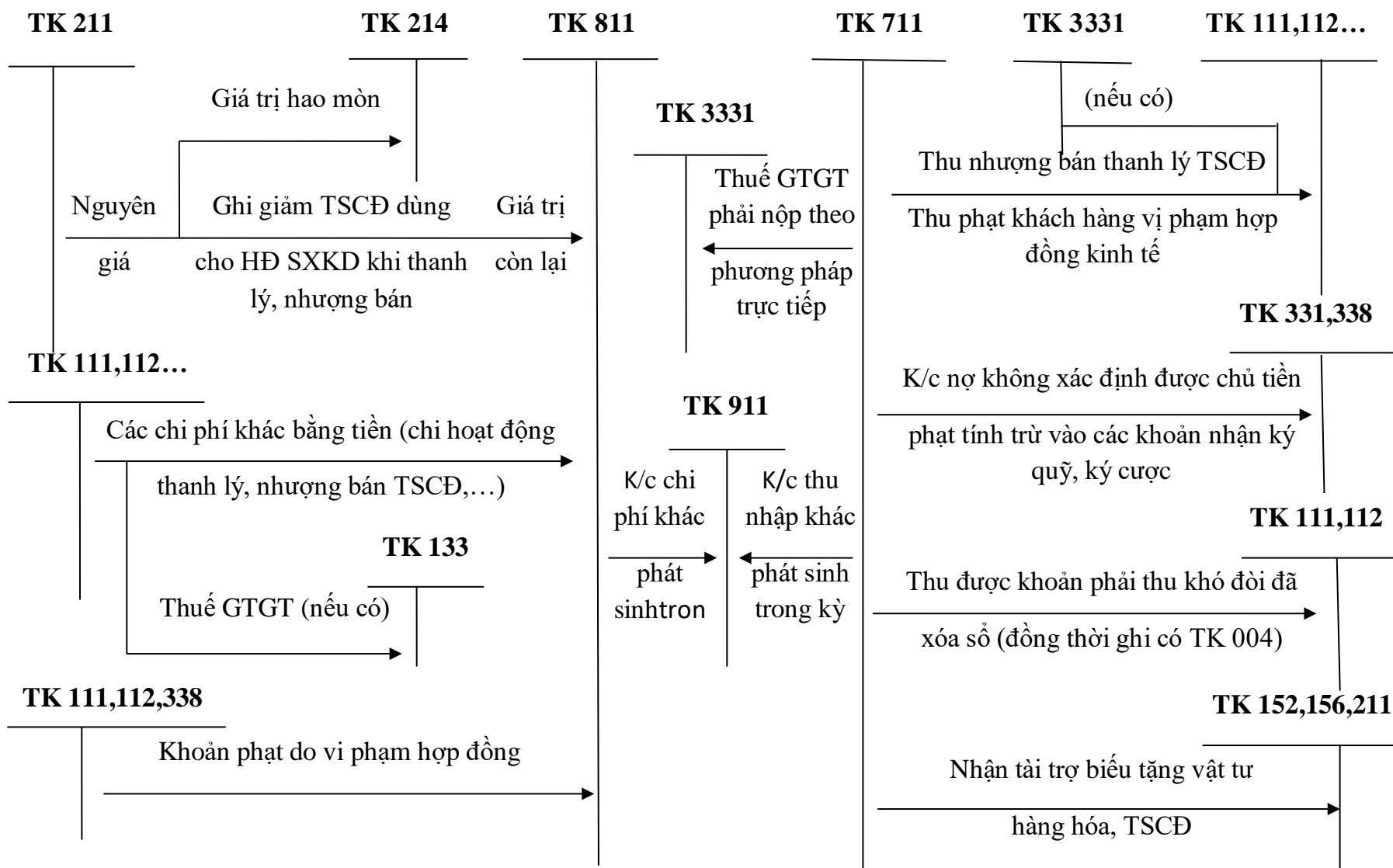
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

✚ Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

1.2.5.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát thông qua sơ đồ 1.8:

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác



1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.6.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

1.2.6.2 Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định, phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kế toán hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

✚ Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- Chi phí quản lý kinh doanh.
- Kết chuyển lãi.

✚ Bên Có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm giá chi phí thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ.

✚ Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

✚ Bên Nợ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm.

✚ Bên Có:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm.
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.
- Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

✚ **Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.**

❖ **Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối**

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

✚ **Bên Nợ:**

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp.
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh.
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

✚ **Bên Có:**

- Số lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên bù.
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

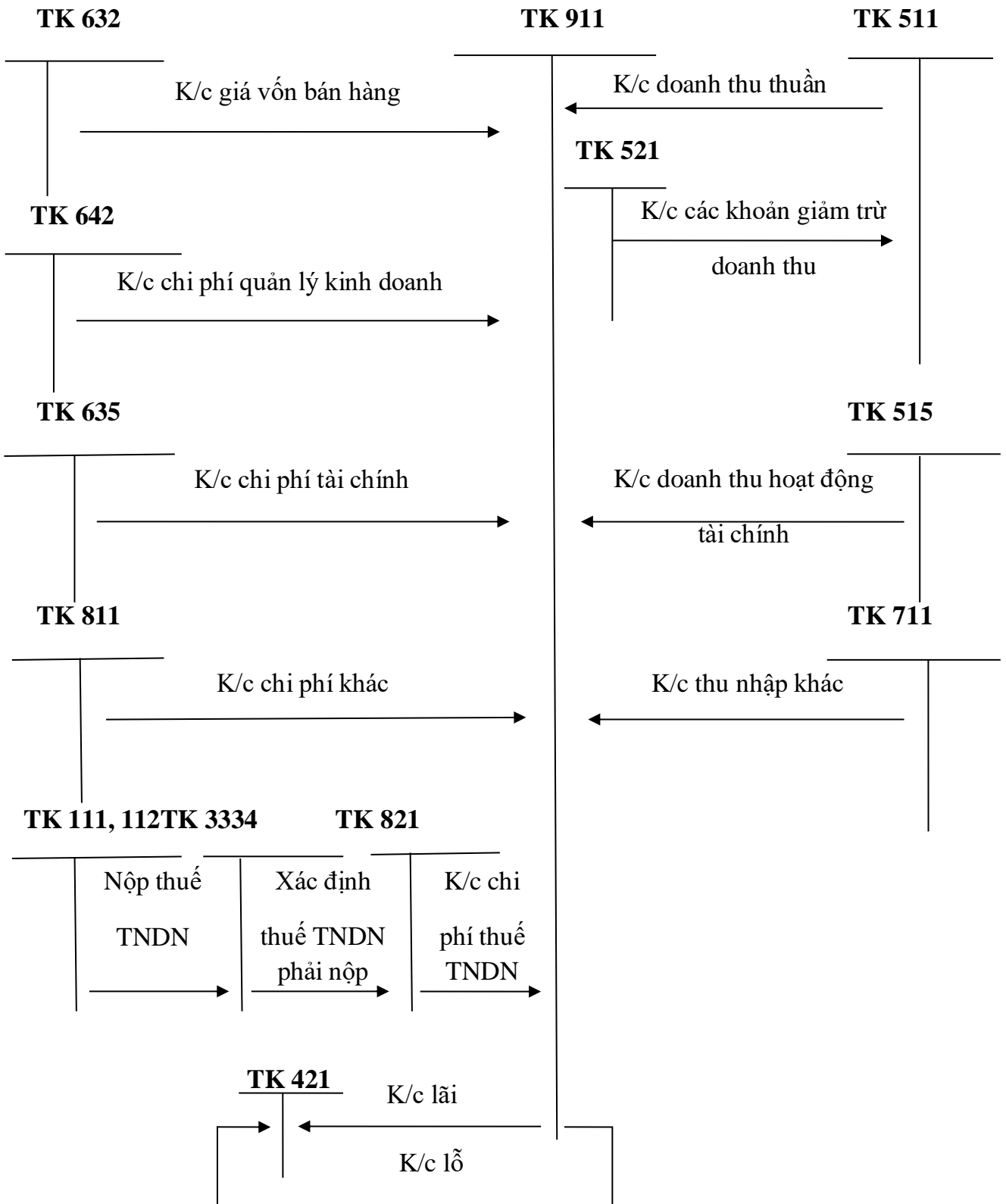
✚ **Tài khoản 421 có 2 tiểu khoản cấp 2:**

- Tài khoản 4211 – Lợi nhuận chưa phân phối năm trước
- Tài khoản 4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

1.2.6.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh được khái quát thông qua sơ đồ 1.9:

Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh



1.3 TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

- ❖ **Đặc trưng cơ bản:** Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi sổ cái cho từng nghiệp vụ phát sinh.
- ❖ **Các loại sổ chủ yếu:**
 - Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
 - Sổ cái
 - Các sổ, thẻ kế toán chi tiết
- ❖ **Trình tự ghi sổ:** Hình thức kế toán Nhật ký chung được thể hiện qua sơ đồ 1.10



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

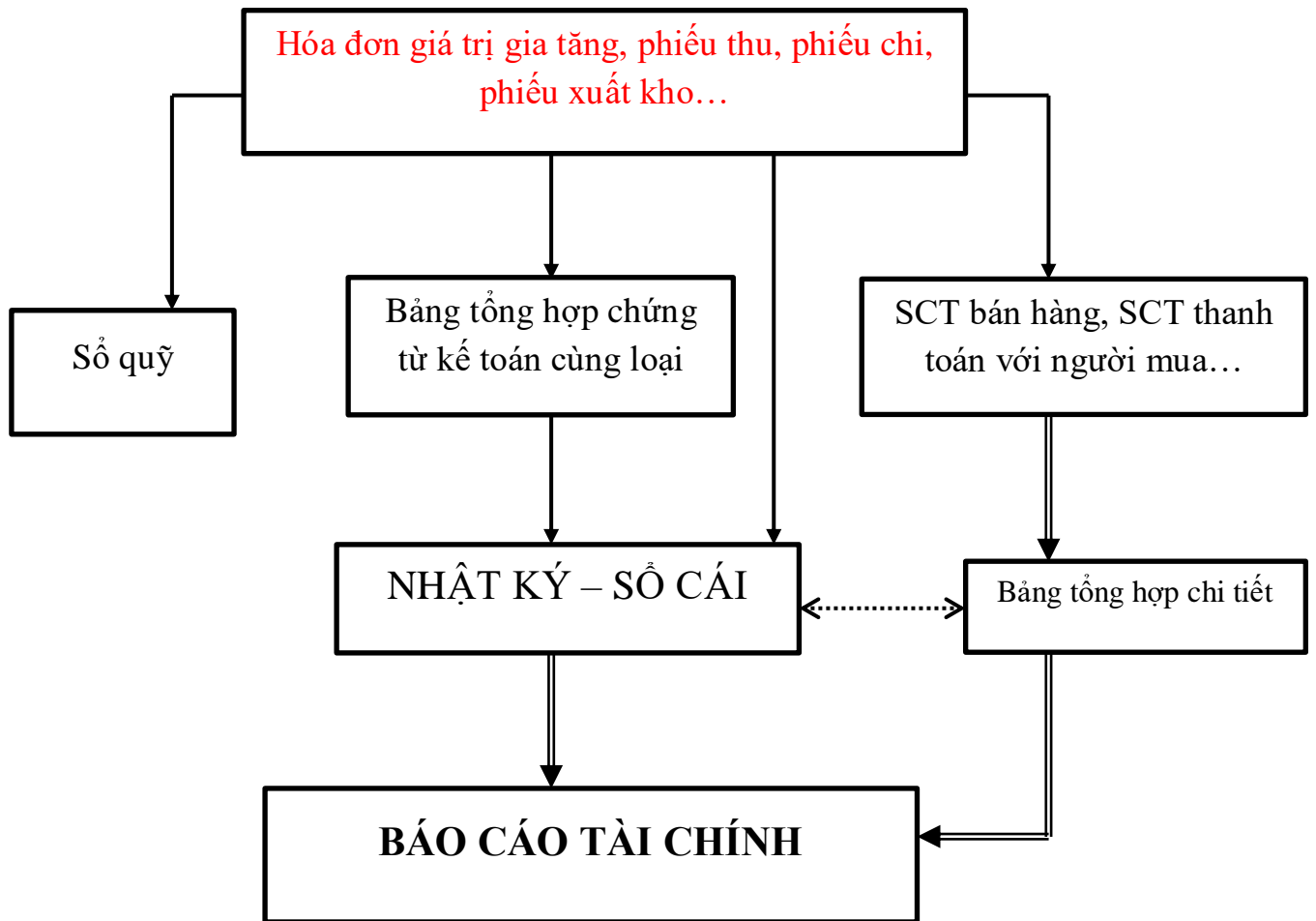
1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái

❖ **Đặc trưng cơ bản:** Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

❖ **Các loại sổ chủ yếu:**

- Nhật ký, sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

❖ **Trình tự ghi sổ:** Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái được thể hiện qua sơ đồ 1.11

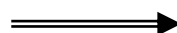


Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng



Đối chiếu, kiểm tra



Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký–Sổ cái

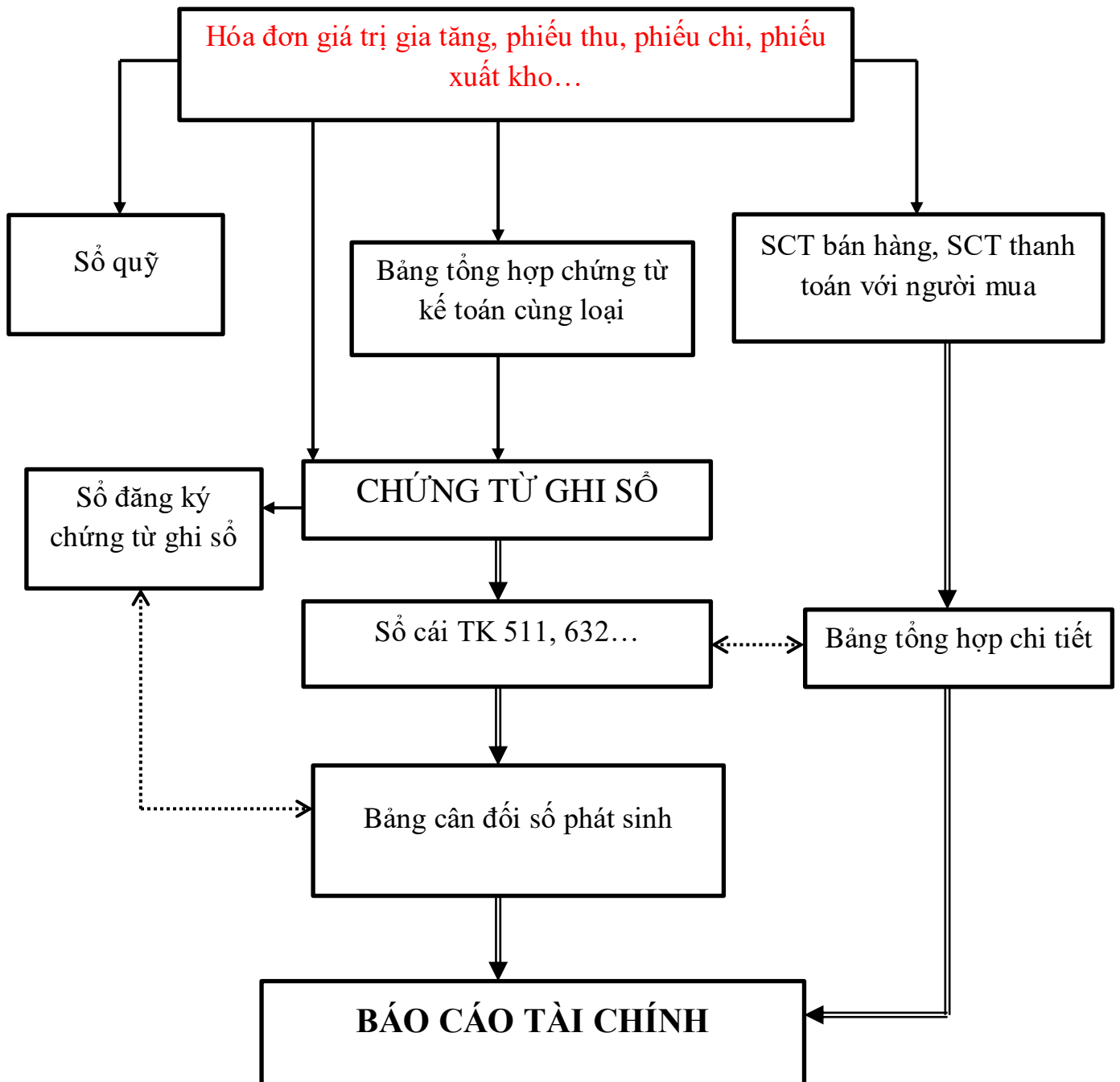
1.3.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

❖ **Đặc trưng cơ bản:** Căn cứ để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”.

❖ **Các loại sổ chủ yếu:**

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ kế toán chi tiết

❖ **Trình tự ghi sổ:** Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ được thể hiện qua sơ đồ 1.12



Ghi chú

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

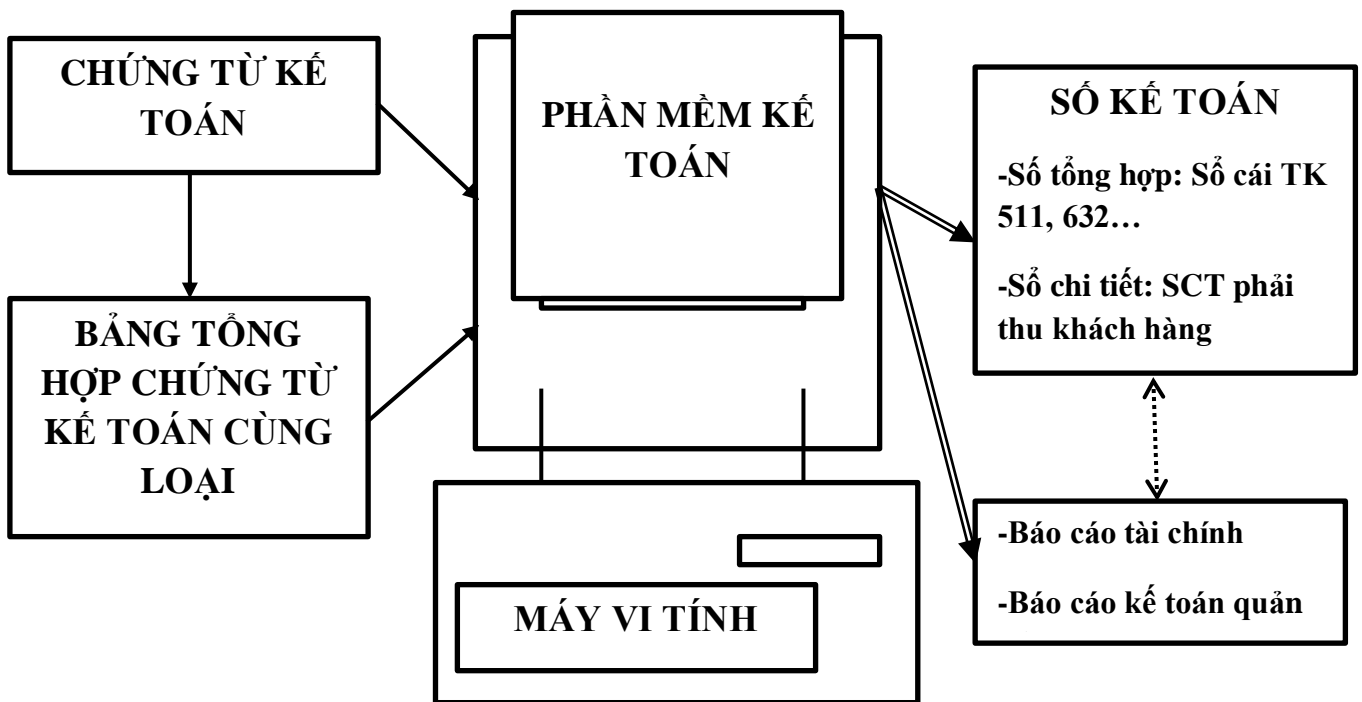
Đôi chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1.3.4 Hình thức kế toán trên máy vi tính

- ❖ **Đặc trưng cơ bản:** Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán trên.

- ❖ **Các loại sổ chủ yếu:** Phần mềm kế toán được thiết lập theo hình thức kế toán nào sẽ có loại sổ của hình thức kế toán đó.
- ❖ **Trình tự ghi sổ:** Hình thức kế toán máy được thể hiện qua sơ đồ 1.13



Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————→

Ghi cuối tháng ══════════→

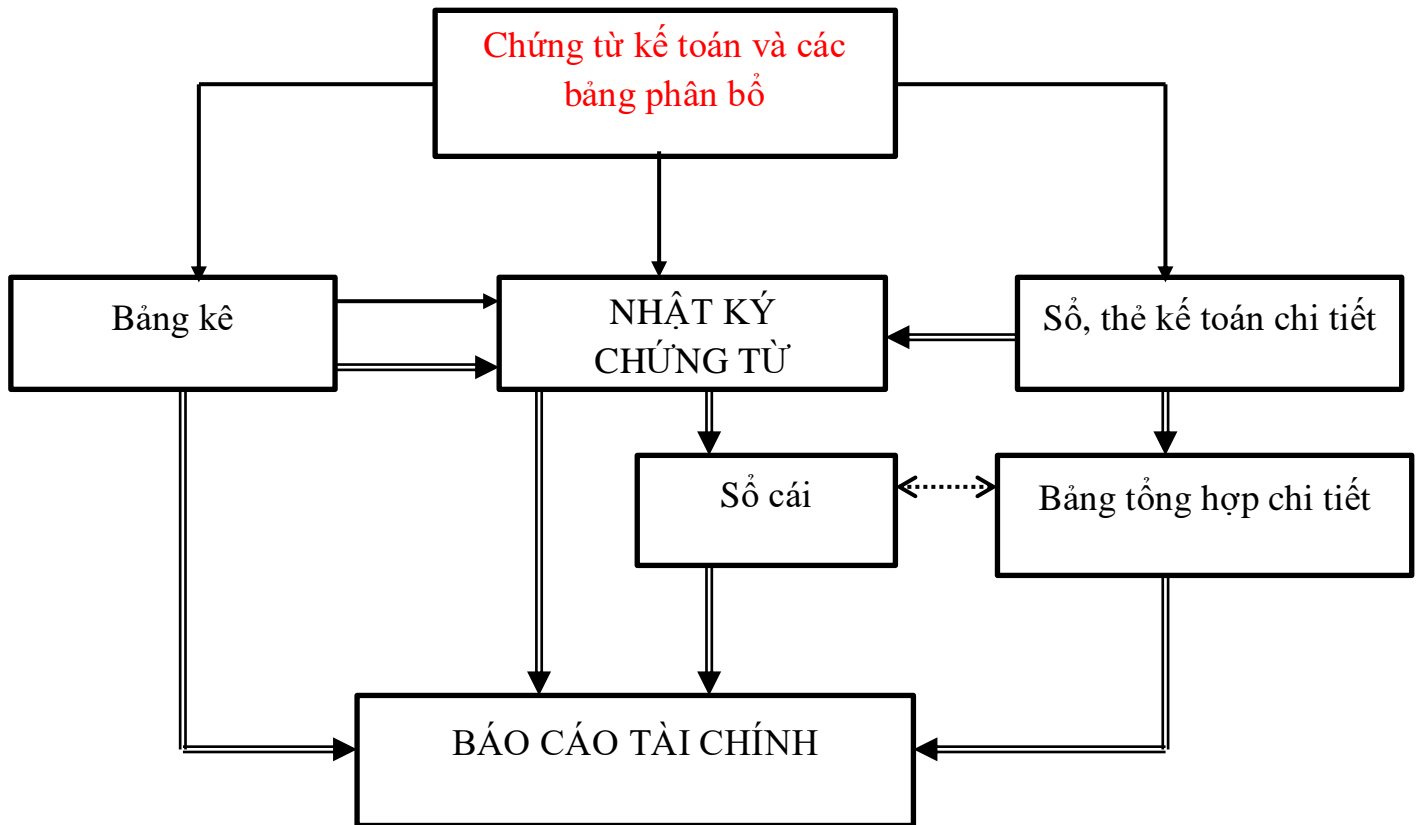
Đối chiếu, kiểm tra ←.....→

Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy

1.3.5 Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ

- ❖ Đặc trưng cơ bản:
 - Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.
 - Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).
 - Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

- ❖ Các loại sổ chủ yếu
 - Nhật ký chứng từ
 - Bảng kê
 - Sổ cái
 - Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết
- ❖ Trình tự ghi sổ: Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ được thể hiện qua sơ đồ 1.14



Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký-chứng từ

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

2.1. Khái quát chung về công tác kế toán tại công ty cp vận tải xăng dầu VIPCO

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần vận tải xăng dầu VIPCO

Tên giao dịch quốc tế: Vietnam Petroleum Transport Joint Stock Company

Tên viết tắt: VIPCO

Địa chỉ: 37 Phan Bội Châu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Địa chỉ giao dịch: 43 Quang Trung, Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: 0225.383-8680/383-8881

Fax: 0225.383-8033/383-9944

Mã số thuế: 0200113152

Tài khoản số: 2087040013168 tại Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh Hải Phòng.

Công ty Cp vận tải xăng dầu VIPCO tiền thân là Công ty vận tải xăng dầu Đường thủy I, trực thuộc Tổng công ty xăng dầu Việt Nam. Ngày 22/07/1980, Công ty vận tải xăng dầu Đường thủy I được thành lập để thực hiện sứ mệnh và nhiệm vụ vận tải xăng dầu trong nước và quốc tế theo kế hoạch của Tổng công ty xăng dầu Việt Nam.

Ngày 02/12/2005, Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO được tổ chức. Ngày 26/12/2005, Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO chính thức được thành lập. Ngày 1/1/2006, Công ty chính thức hoạt động với số vốn điều lệ là 315 tỷ đồng, trong đó Tổng công ty xăng dầu Việt Nam nắm giữ 51%. Ngày 21/12/2006, Công ty chính thức niêm yết cổ phần trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, với mã chứng khoán VIP, vốn điều lệ hiện tại là 684.709.410.000 đồng.

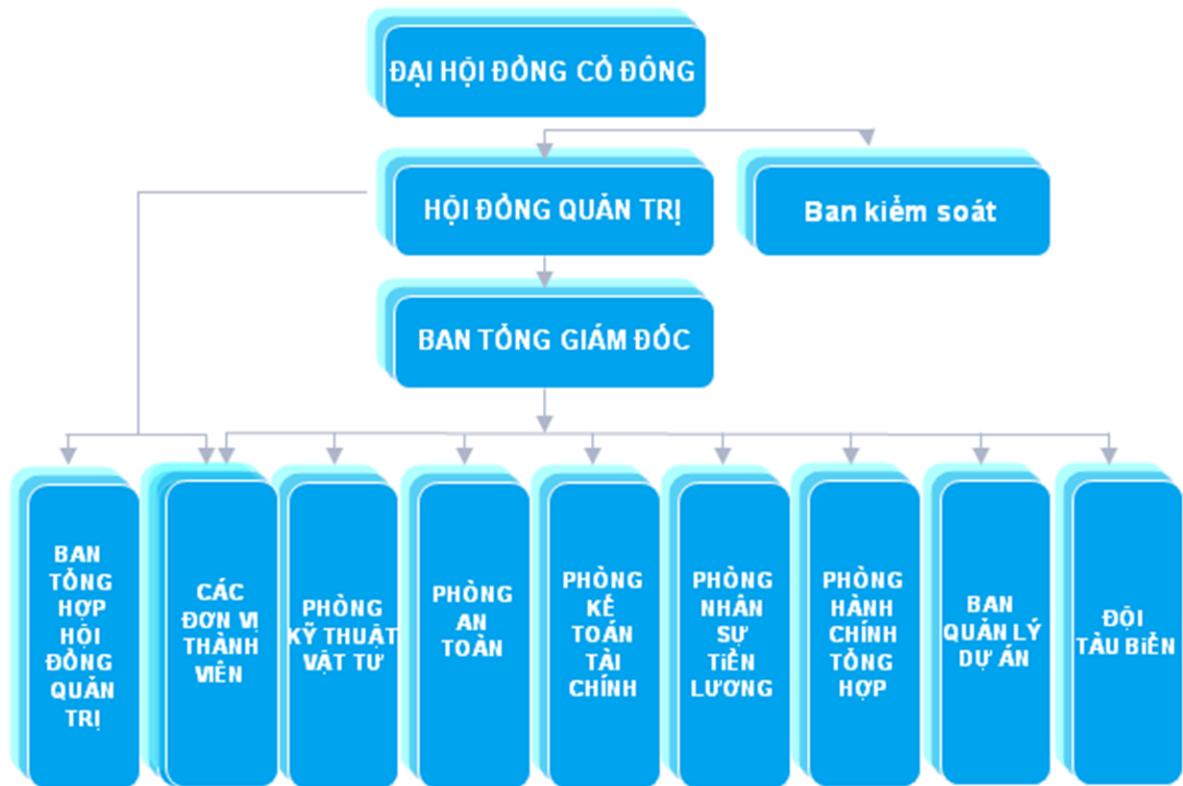
2.1.2. Đặc điểm tổ chức kinh doanh của công ty.

2.1.2.1. Lĩnh vực hoạt động của công ty.

- Kinh doanh xăng dầu, gas hóa lỏng, các sản phẩm hóa dầu và các thiết bị sử dụng gas hóa lỏng
- Vận tải ven biển và viễn dương

2.1.2.2. Đặc điểm tổ chức quản lý của công ty.

Sơ đồ 2.1: Mô hình tổ chức bộ máy quản lý Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO



Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban

- a. Đại hội đồng cổ đông: là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.
Đại hội cổ đông có toàn quyền quyết định mọi hoạt động của công ty và có nhiệm vụ: Thông qua điều lệ, phương hướng hoạt động kinh doanh của công ty. Bầu bãi miễn hội đồng quản trị. Các điều lệ khác do điều lệ công ty quy định.
- b. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của công ty có nhiệm vụ:
 - + Báo cáo trước đại hội cổ đông tình hình kinh doanh của công ty. Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy, quy chế hoạt động và quỹ lương của công ty.
 - Bổ nhiệm, bãi nhiệm và giám sát hoạt động của Ban giám đốc.
 - Kiến nghị sửa đổi và bổ sung Điều lệ công ty.
 - Quy định triệu tập Đại hội cổ đông.

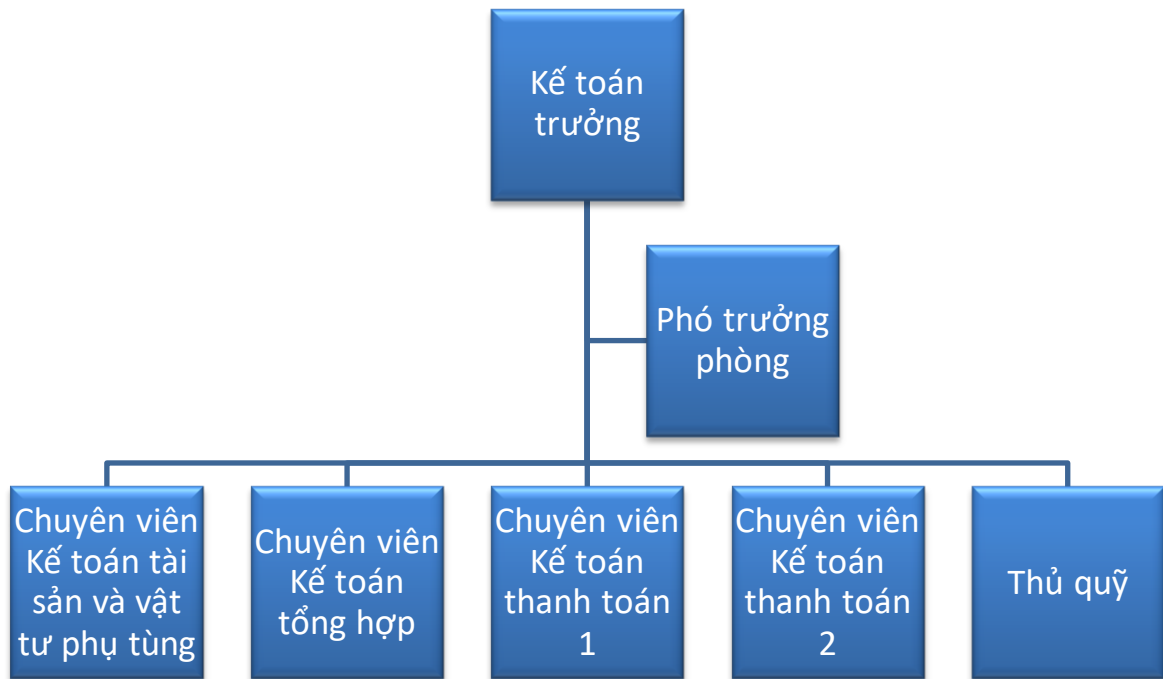
- c. Ban giám đốc: Do hội đồng quản trị bổ nhiệm và bãi nhiệm. Ban giám đốc gồm có:
- Tổng giám đốc công ty: là người đứng đầu của công ty, chịu trách nhiệm trước nhà nước về mọi hoạt động của công ty, về kế hoạch, mục tiêu, chiến lược sản xuất của công ty.
 - Phó tổng giám đốc: phụ trách kinh doanh. Hoàn thành nhiệm vụ giám đốc giao cho và chịu trách nhiệm trước giám đốc về quá trình chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ đó. Tham mưu cho giám đốc chỉ đạo tiêu thụ hàng hóa dịch vụ và có trách nhiệm kiểm tra đôn đốc nhân viên hoàn thành nhiệm vụ của ban giám đốc.
- + Nhiệm vụ của ban giám đốc:
- Lập phương án, bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ, bổ nhiệm và bãi nhiệm chức danh quản lý.
 - Ký các văn bản, hợp đồng, chứng từ theo sự phân cấp của điều lệ công ty. Báo cáo trước hội đồng quản trị tình hình tài chính, kết quả kinh doanh...
- d. Phòng nhân chính: có chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc công ty trong những lĩnh vực:
- Công tác tổ chức cán bộ.
 - Công tác lao động – tiền lương.
 - Bảo vệ an ninh chính trị quân sự.
 - Đầu tư và ứng dụng công nghệ tin học trong tổ chức, quản lý, điều hành.
 - Quản lý sức khỏe của CBCNV.
- e. Phòng kỹ thuật – vật tư: có chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc công ty trong những lĩnh vực:
- Công tác quản lý kỹ thuật.
 - Đầu tư phát triển đội tàu.
 - Công tác quản lý vật tư, phụ tùng và tài sản.
 - Công tác quản lý sửa chữa, bảo dưỡng tàu và tài sản.
 - Công tác an toàn, an ninh hàng hải.
- f. Phòng khai thác và thuê tàu: có chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc công ty trong những lĩnh vực:
- Quản lý và khai thác đội tàu.
 - Thương vụ và thuê tàu vận tải biển.

- Công tác kế hoạch sản lượng và doanh thu vận tải.
- g. Phòng an toàn: có chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc công ty trong những lĩnh vực:
 - An toàn và bảo vệ môi trường.
 - An ninh tàu.
 - Bảo hiểm, pháp chế hàng hải.
- h. Phòng đầu tư và phát triển doanh nghiệp: có chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc công ty trong những lĩnh vực:
 - Công tác đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật.
 - Công tác đầu tư tài chính.
 - Công tác phát triển doanh nghiệp.
- i. Phòng kế toán tài chính: có chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc công ty trong những lĩnh vực:
 - Tài chính kế toán.
 - Đầu tư.
 - Kế hoạch.
 - Tổ chức hệ thống kế toán.

Đứng đầu mỗi phòng ban là Trưởng phòng phụ trách chung và chịu trách nhiệm trong công tác của phòng, chịu sự giám sát của Ban Tổng giám đốc, có thẩm quyền báo cáo với Ban Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị (khi được ủy quyền).

2.1.2.3.Đặc điểm tổ chức kế toán.

a.Mô hình tổ chức kế toán.



Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO

+ **Kế toán trưởng:** là người được bổ nhiệm theo quyết định của giám đốc công ty, có trách nhiệm đôn đốc các kế toán viên làm việc có hiệu quả. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức điều hành toàn bộ hệ thống kế toán của công ty và chịu sự điều hành của giám đốc.

+ **Phó trưởng phòng với công việc:**

- Chịu trách nhiệm và trực tiếp chỉ đạo công tác hạch toán kế toán.
- Theo dõi và giải quyết về công nợ, các khoản mua sắm thiết bị dụng cụ quản lý văn phòng.
- Tham mưu cho Kế toán trưởng trong việc đánh giá thành tích công tác của cán bộ nhân viên trong phòng.
- Thực hiện các công việc khác có liên quan theo yêu cầu của Kế toán trưởng.

+ **Chuyên viên kế toán tổng hợp có nhiệm vụ và trách nhiệm chính:**

- Tham gia xây dựng kế hoạch và công tác triển khai kế hoạch.
- Thực hiện công tác kế toán tổng hợp, lập tổng hợp và hợp nhất hệ thống báo cáo tài chính, báo cáo quản trị theo quy định. Công tác đối chiếu thanh quyết toán với tổng công ty, người giao đại lý và các đơn vị nội bộ.

- Giúp Kế toán trưởng trong việc phân tích báo cáo tài chính và thực hiện đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán.
- Báo cáo giá thành vận tải, tổng hợp báo cáo trong hoạt động kinh doanh xăng dầu toàn công ty.
- Thực hiện các công việc khác có liên quan theo yêu cầu của Phó trưởng phòng và Kế toán trưởng.

+ Chuyên viên kế toán tài sản và vật tư phụ tùng có nhiệm vụ và trách nhiệm chính:

- Theo dõi, thực hiện các nghiệp vụ liên quan tới kế toán TSCĐ, nguồn vốn và các quỹ. Giúp Kế toán trưởng và Phó trưởng phòng trong việc rà soát các dự toán, quyết toán về đầu tư và sửa chữa tài sản.
- Theo dõi thực hiện các nghiệp vụ liên quan tới kế toán vật tư, phụ tùng, công cụ và nhiên liệu.
- Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến kế toán phải trả người bán, kế toán chênh lệch tỷ giá. Quản lý thu và quyết toán quỹ đoàn phí công đoàn.
- Thực hiện các công việc khác có liên quan theo yêu cầu của Kế toán trưởng và Phó trưởng phòng.

+ Chuyên viên kế toán thanh toán

Chuyên viên 1 đảm nhiệm:

- Thực hiện các nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng đối với người cung cấp tại các ngân hàng. Cập nhật chứng từ, lập sổ chi tiết hàng ngày liên quan đến việc thanh toán qua ngân hàng.
- Theo dõi doanh thu cước vận tải, thuê tàu, các khoản phụ phí theo hợp đồng định hạn và doanh thu xuất khẩu. Theo dõi QT hao hụt vận chuyển công nợ khách hàng liên quan.
- Theo dõi công nợ phải thu, phải trả.
- Thực hiện các công việc khác có liên quan theo yêu cầu của Kế toán trưởng và Phó trưởng phòng.

Chuyên viên 2 đảm nhiệm:

- Thực hiện các nghiệp vụ liên quan tới kế toán về thuế, phí và nghĩa vụ với ngân sách nhà nước: thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân. Quản lý cấp phát, quyết toán hóa đơn GTGT.
- Thực hiện các nghiệp vụ kế toán liên quan tới thanh toán tiền mặt.
- Theo dõi quản lý công nợ tạm ứng, khoán sử dụng điện thoại.

- Thực hiện các công việc khác có liên quan theo yêu cầu của Phó trưởng phòng và Kế toán trưởng.

+ Thủ quỹ chịu trách nhiệm: trực tiếp thu chi tiền mặt, tiếp nhận chứng từ ngân hàng theo dõi số dư tài khoản tại các ngân hàng.

b. Hình thức và chế độ kế toán áp dụng.

Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là: đồng Việt Nam (VNĐ)
- Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.
- Phương pháp nộp thuế GTGT: phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp khấu hao áp dụng: phương pháp khấu hao đường thẳng

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO.

2.2.1. Kế toán bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Doanh thu là tổng các giá trị kinh tế mà công ty thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động kinh doanh góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu bán hàng có thể là thu tiền ngay, cũng có thể chưa thu được (do các thỏa thuận về thanh toán bán hàng) nhưng đã được khách hàng chấp thuận thanh toán thì đều được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu chủ yếu của Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO là doanh thu bán các loại hàng hóa như xăng dầu, gas dân dụng, công nghiệp, dầu nhờn... và dịch vụ vận tải xăng dầu.

2.2.1.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

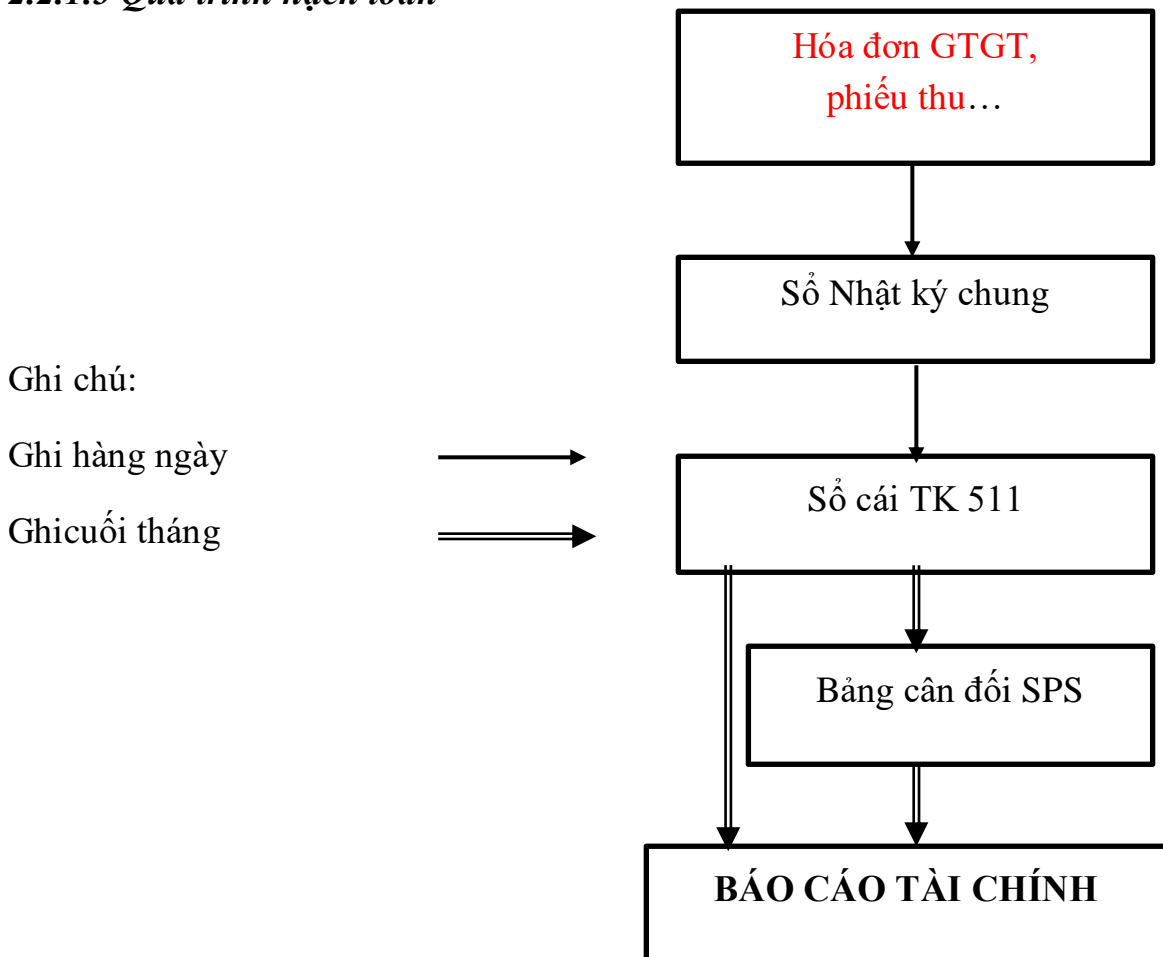
❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu thu
- Giấy báo có của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ *Tài khoản sử dụng*

- TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 131 – Phải thu khách hàng
- TK 111 – Tiền mặt
- TK 112 – Tiền gửi ngân hàng
- TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

2.2.1.3 *Quá trình hạch toán*



Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO

- Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT cùng với các chứng từ liên quan. Kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung và đồng thời ghi sổ chi tiết các tài khoản và từ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái tài khoản.
- Cuối tháng, kế toán tiến hành cộng số liệu trên Sổ cái các TK 511, 131, 3331... lập Bảng cân đối số phát sinh.
- Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

2.2.1.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.1: Ngày 30/12/2016 Công ty xuất 20.000 lít dầu nhờn công nghiệp bán cho công ty Thăng Long với trị giá chưa thuế là 450.000.000 VNĐ, giá vốn là 395.000.000 VNĐ. Khách hàng chưa thanh toán.

- Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000149 (Biểu số 2.1) và các chứng từ khác liên quan kế toán phản ánh vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:
 - Nợ TK 632: 395.000.000
 - Có TK 156: 395.000.000
 - Nợ TK 131: 495.000.000
 - Có TK 511: 450.000.000
 - Có TK 3331: 45.000.000
- Từ bút toán trên kế toán phản ánh doanh thu bán hàng vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.2) và từ sổ Nhật ký chung kế toán phản ánh vào Sổ cái TK 511 (Biểu số 2.3), Sổ cái TK 131, Sổ cái TK 333.
- Cuối kỳ lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ Mẫu số 01GTKT3/001 GIA TĂNG Ký hiệu : AA/15P Liên 3: Nội bộ Số : 0000149 Ngày 30 tháng 12 năm 2016					
Đơn vị bán hàng : CÔNG TY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO Địa chỉ : 37 Phan Bội Châu, Phường Quang Trung, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng Số tài khoản: 03001686978 Sacombank Tam Bạc Điện thoại: Mã số thuế: 0200113153					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Sinh Hồng Tên đơn vị: CÔNG TY THĂNG LONG Địa chỉ: Số 123 đường Khúc Thừa Dụ, thị trấn Gia Lộc, tỉnh Hải Dương Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản: 0300165327 Sacombank Hải Dương Mã số thuế: 0200118796					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số ượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1	Dầu nhớt công nghiệp	Lít	20.000	22.500	450.000.000
Cộng tiền hàng :					450.000.000
Thuế suất GTGT : 10%, Tiền thuế GTGT:					45.000.000
Tổng cộng thanh toán : Số tiền viết bằng chữ :Bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng chẵn.					495.000.000
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị	

Biểu số 2.2: Trích sổ nhật ký chung

TCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO						
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Năm 2016						
Đơn vị : đồng						
NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số phát sinh			
....
10/12	PC641	10/12	Chi tiền điện thoại BPQL-T10	6422 133 111	603.310 60.331	633.641
....
16/12	PXK960 HĐ0000719 PT511	16/12	Bán 50.000 lít xăng RON 95 cho công ty Đức Thọ thu tiền mặt	632 156 111 511 3331	750.000.000 1.072.500.000	750.000.000 975.000.000 97.500.000
....
17/12	PXK971 HĐ0000836 PT561	17/12	Bán 10 bộ bình gas cho khách sạn Victory thu tiền mặt	632 156 111 511 3331	9.000.000 10.450.000	9.000.000 9.500.000 950.000

30/12	PXK981 HĐ0000149	30/12	Bán 20.000 lít dầu nhờn công nghiệp cho công ty TL	632 156 112 511 3331	395.000.000 495.000.000	395.000.000 450.000.000 45.000.000

			Tổng cộng		722.448.726.635	722.448.726.635

Ngày mở sổ: 01/01/2016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Kế toán ghi sổ (ký tên, họ tên)	Kế toán trưởng (ký tên, họ tên)	Giám đốc (ký tên, họ tên, đóng dấu)
------------------------------------	------------------------------------	--

Nguồn: Phòng kế toán công ty

Biểu số 2.3: Trích sổ cái TK 511TCTY VẬN TÀI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TÀI XĂNG DẦU VIPCO**SỔ CÁI**

Năm 2016

Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: TK 511

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số dư đầu kỳ			
16/12	HĐ000 0719	16/12	Bán 50.000 lít xăng RON 95 cho công ty Đức Thọ	111		975.000.000
17/12	HĐ000 0836	17/12	Bán 10 bộ bình gas cho khách sạn Victory thu tiền mặt	111		9.500.000
30/12	HĐ000 0149	30/12	Bán 20.000 lít dầu nhớt công nghiệp cho công ty TL	112		450.000.000
31/12	PKT42	31/12	Kết chuyển doanh thu	911	630.819.031.186	
			Cộng số phát sinh		630.819.031.186	630.819.031.186
			Số dư cuối kỳ			

Ngày mở sổ: 01/01/2016

Kế toán ghi sổ
(ký, họ tên)Kế toán trưởng
(ký, họ tên)Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn: Phòng kế toán công ty

2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO

2.2.2.1 Nội dung của giá vốn hàng bán tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO

Giá vốn hàng bán là giá thực tế xuất kho của sản phẩm hàng hóa mà công ty bán cho khách hàng như xăng dầu, dầu nhờn... Trong điều kiện doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá vốn hàng bán là một chi phí được ghi nhận đồng thời với doanh thu theo nguyên tắc phù hợp. Trị giá vốn hàng bán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}$$

2.2.2.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

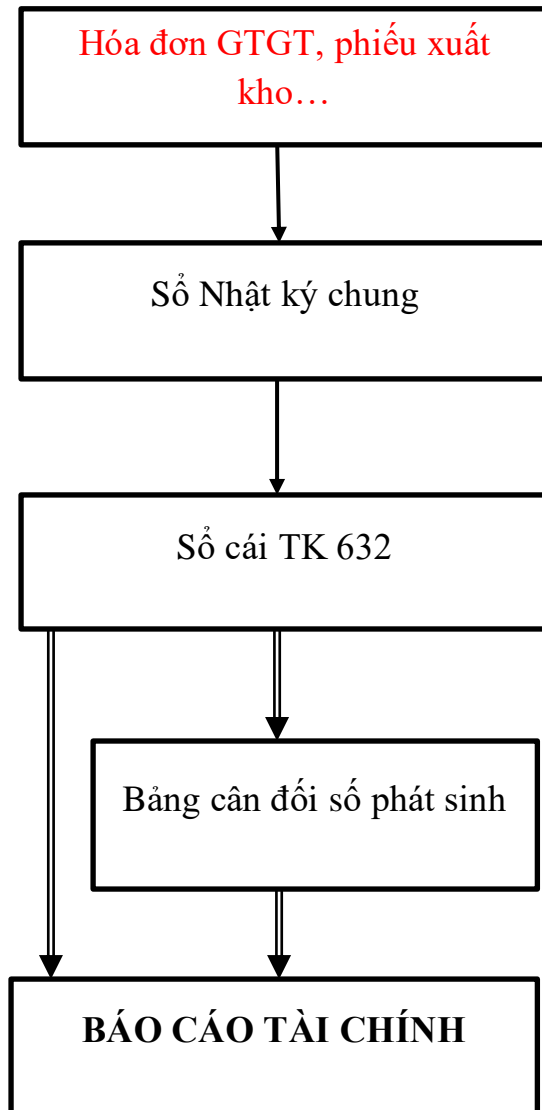
❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 632 – Giá vốn hàng bán
- TK 156 – Hàng hóa

2.2.2.3 Quy trình hạch toán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán của Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO

- Hàng ngày, căn cứ vào Hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho cùng với các chứng từ liên quan, kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung từ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK 156, 632...
- Cuối tháng, kế toán tiến hành cộng số liệu trên Sổ cái các TK 632, 156... lập bảng cân đối số phát sinh

- Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

2.2.2.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.2: (minh họa tiếp ví dụ 2.1)

Tính đơn giá xuất kho dầu nhờn công nghiệp theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

- Số dư đầu kỳ (1/12) = 30.000 lít, đơn giá 19.500/lít

Trị giá tồn đầu kỳ = 30.000 x 19.500 = 585.000.000

- Ngày 5/12 nhập kho 10.000 lít, đơn giá 20.500/lít

Trị giá nhập kho ngày 5/12 = 10.000 x 20.500 = 205.000.000

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{bình quân} \\ \text{liên hoàn} \\ \text{ngày 30/12} \end{array} = \frac{30.000 \times 19.500 + 10.000 \times 20.500}{30.000 + 10.000} = 19.750/\text{lít}$$

Trị giá xuất kho ngày 30/12 = 20.000 x 19.750 = 395.000.000

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 981 (Biểu số 2.4) kế toán phản ánh vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.5), sổ chi tiết hàng hóa (Biểu số 2.6) và sổ cái TK 632 (Biểu số 2.7).

Từ sổ cái các tài khoản cuối kỳ kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.4: Phiếu xuất kho số 981

TCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 30 tháng 12 năm 2016

Số: 981

Họ tên người nhận hàng : Nguyễn Văn Đoàn

Địa chỉ: Bộ phận bán hàng

Lý do xuất kho : Bán hàng

Xuất tại kho : Kho công ty

STT	Tên vật tư	Mã số	ĐVT	SL thực nhập	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3
1	Dầu nhờn công nghiệp		Lít	20.000	19.750	395.000.000
	Cộng					395.000.000

Tổng số tiền bằng chữ: Ba trăm chín mươi lăm triệu đồng chẵn.

Ngày 30 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Người giao hàng
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu số 2.5: Trích sổ nhật ký chungTCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị : đồng

	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
....
10/12	PC641	10/12	Chi tiền điện thoại BPQL-T10	6422 133 111	603.310 60.331	633.641
....
16/12	PXK960 HĐ0000719 PT511	16/12	Bán 50.000 lít xăng RON 95 cho công ty Đức Thọ	632 156 112 511 3331	750.000.000 1.072.500.000	750.000.000 975.000.000 97.500.000
....
17/12	PXK971 HĐ0000836 PT561	17/12	Bán 10 bộ bình gas cho khách sạn Victory thu tiền mặt	632 156 111 511 3331	9.000.000 10.450.000	9.000.000 9.500.000 950.000
....
30/12	PXK981 HĐ0000149	30/12	Bán 20.000 lít dầu nhờn công nghiệp cho công ty TL	632 156 112 511 3331	395.000.000 495.000.000	395.000.000 450.000.000 45.000.000
....
			Tổng cộng		722.448.726.635	722.448.726.635

Ngày mở sổ: 01/01/2016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Kế toán ghi sổ
(ký tên, họ tên)Kế toán trưởng
(ký tên, họ tên)Giám đốc
(ký tên, họ tên, đóng dấu)

Nguồn: Phòng kế toán công ty

Biểu số 2.6: Trích sổ chi tiết hàng hóa

TCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

SỔ CHI TIẾT HÀNG HÓA

Năm 2016

Tài khoản: 156

Tên hàng hóa: Dầu nhờn công nghiệp

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
		SĐDK		19.500					30.000	585.000.000
		Số phát sinh								
PNK621	5/12	Mua dầu nhờn công nghiệp	331	20.500	10.000	205.000.000			40.000	790.000.000
.....
PXK981	30/12		632	19.750			20.000	395.000.000	20.000	395.000.000
		Cộng SPS			10.000	205.000.000	20.000	395.000.000		
									20.000	395.000.000

Ngày mở sổ: 01/01/2016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn: Phòng kế toán công ty

Biểu số 2.7: Trích sổ cái TK 632

TCTY VẬN TÀI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TÀI XĂNG DẦU VIPCO

SỔ CÁI

Năm 2016

Tên TK: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: TK 632

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số dư nợ đầu kỳ			
2/12	PXK810	2/12	Bán 5 bộ bình gas	156	4.500.000	
16/12	PXK960	16/12	Bán 50.000 lít xăng RON 95 cho công ty Đức Thọ	156	750.000.000	
17/12	PXK971	17/12	Bán 10 bộ bình gas cho khách sạn Victory thu tiền mặt	156	9.000.000	
30/12	PXK981	30/12	Bán 20.000 lít dầu nhớt công nghiệp cho công ty TL	156	395.000.000	
31/12	PKT44	31/12	Kết chuyển giá vốn	911		504.349.561.885
			Cộng số phát sinh		504.349.561.885	504.349.561.885
			Số dư nợ cuối kỳ			

Ngày mở sổ: 01/01/2016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn: Phòng kế toán công ty

2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

2.2.3.1 Nội dung của chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty Cp vận tải xăng dầu VIPCO

Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh tại Công ty bao gồm các khoản: Tiền lương trả cho Giám đốc, lương cho nhân viên bộ phận bán hàng, các khoản trích theo lương, các khoản thuế, lệ phí, tiền bảo hiểm, chi phí dịch vụ mua ngoài như tiền điện thoại cho bộ phận bán hàng,...

2.2.3.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

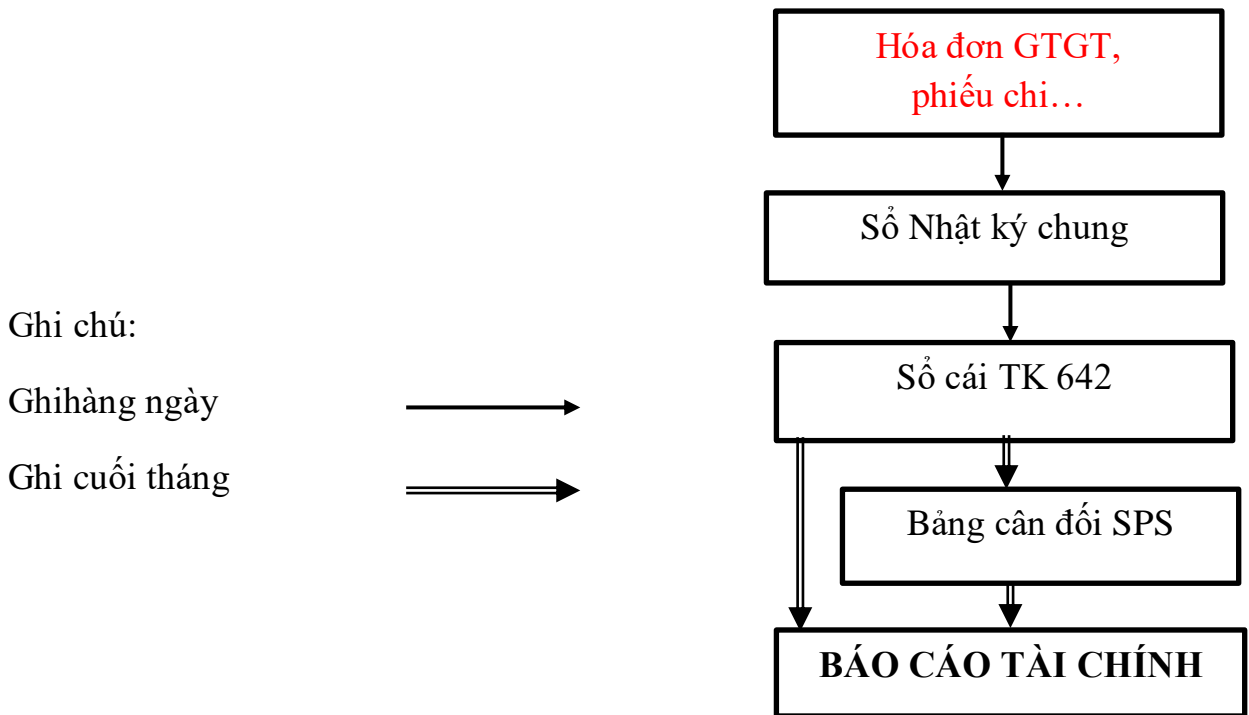
❖ **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ tiền lương
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng**

- TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

2.2.3.3 Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh của Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO

- Căn cứ vào Hóa đơn GTGT, bảng phân bổ khấu hao TSCĐ,... kế toán tiến hành viết phiếu chi, tùy vào nội dung của nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán cũng có thể viết phiếu kế toán. Từ các dữ liệu trên kế toán vào Sổ Nhật ký chung sau đó căn cứ vào số liệu trên Sổ nhật ký chung để kế toán vào Sổ cái TK 642
- Cuối kỳ, cộng số phát sinh trên Sổ cái và lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

2.2.3.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.3: Ngày 8/12/2016 thanh toán tiền điện thoại cho bộ phận bán hàng tháng 11, tổng số tiền thanh toán 1.168.340 (thuế GTGT 10%)


Căn cứ vào hóa đơn dịch vụ viễn thông GTGT 2977018 (Biểu số 2.8), phiếu chi (Biểu số 2.9) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán phản ánh vào sổ sách theo định khoản.

Nợ TK 642: 1.062.127
 Nợ TK 133: 106.213
 Có TK 111: 1.168.340

Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.10) sau đó phản ánh vào sổ cái TK 642 (Biểu số 2.11), TK 111, TK 333

Cuối kỳ, từ sổ cái TK được sử dụng lập Bảng cân đối số phát sinh rồi từ đó lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.8: Hóa đơn dịch vụ viễn thông GTGT

		HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT) TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT) Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy)		Mẫu số: 01GTKT2/001 VT01 Ký hiệu (Serial No): AA/12P Số (No): 2977018 16092612112012	
Mã số thuế: 0200287977-022 Viễn thông (Telecommunication): Hải Phòng – TT Dịch vụ khách hàng Địa chỉ: Số 4 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng Tên khách hàng (Customer's name): Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO Địa chỉ (Address): 37 Phan Bội Châu, Phường Quang Trung, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng Số điện thoại (Tel): Mã số (code): Hình thức thanh toán (Kind of Pay ment): TM/CK MST:					
STT (NO)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND
1	2	3	4	5	6
	Kỳ cước tháng 11/2016 a. Cước dịch vụ viễn thông b. Cước dịch vụ viễn thông không thuế c. Chiết khấu + Đa dịch vụ d. Khuyến mại e. Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ				1.062.127 0 0 0 0
(a+b+c+d) Cộng tiền dịch vụ (Total) (1):					1.062.127
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% x (1) = Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2):					106.213
(1+2+e) Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1+2):					1.168.340
Số tiền viết bằng chữ (In words): Một triệu một trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi đồng.					
Người nộp tiền ký (Signature of payer)			Ngày 08 tháng 12 năm 2016 Nhân viên giao dịch ký (Signature of dealing staff)		

Biểu số 2.9: Phiếu chi 663

TCTY VẬN TÀI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TÀI XĂNG DẦU VIPCO

PHIẾU CHI

Ngày 08 tháng 12 năm 2016

Số: 663

Nợ TK 642: 1.062.127

Nợ TK 133: 106.213

Có TK 111: 1.168.340

Họ, tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Tâm

Địa chỉ: Phòng KT-TC

Lý do chi: Nộp tiền điện thoại

Số tiền: 1.168.340 (Viết bằng chữ): Một triệu một trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi đồng./.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 08 tháng 12 năm 2016

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Người nhận Thủ quỹ
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Biểu số 2.10: Trích sổ Nhật ký chung

TCTY VẬN TÀI THỦY PETROLIMEX CTCP VẬN TÀI XĂNG DẦU VIPCO						
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Năm 2016						
Đơn vị : đồng						
	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
....
08/12	PC633	08/12	Chi tiền điện thoại BPBH T11	642 133 111	1.062.127 106.213	1.168.340
....
16/12	PXK960 HĐ0000719 PT511	16/12	Bán 50.000 lít xăng RON 95 cho công ty Đức Thọ	632 156 112 511 3331	750.000.000 1.072.500.000	750.000.000 975.000.000 97.500.000
....
17/12	PXK971 HĐ0000836 PT561	17/12	Bán 10 bộ bình gas cho khách sạn Victory thu tiền mặt	632 156 111 511 3331	9.000.000 10.450.000	9.000.000 9.500.000 950.000
....
30/12	PXK981 HĐ0000149	30/12	Bán 20.000 lít dầu nhờn công nghiệp cho công ty TL	632 156 112 511 3331	395.000.000 495.000.000	395.000.000 450.000.000 45.000.000
....
			Tổng cộng		722.448.726.635	722.448.726.635

Ngày mở sổ: 01/01/2016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Kế toán ghi sổ (ký tên, họ tên)	Kế toán trưởng (ký tên, họ tên)	Giám đốc (ký tên, họ tên, đóng dấu)
------------------------------------	------------------------------------	--

Nguồn: Phòng kế toán công ty

Biểu số 2.11: Trích Sổ cái TK 642

TCTY VẬN TÀI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TÀI XĂNG DẦU VIPCO

SỔ CÁI

Năm 2016

Tên TK: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: TK 642

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số dư đầu kỳ			
7/12	PC662	7/12	Thanh toán tiền Internet T11	111	270.000	
8/12	PC663	8/12	Thanh toán tiền điện thoại BPBH T11	111	1.062.127	

31/12	BLT12	31/12	Tiền lương T12 của nhân viên		46.538.889	
31/12	BPBLT12	31/12	Trích BHXH, BHYT, BHTN		1.520.000	
31/12	PKT46	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	55.929.422.291	
			Cộng số phát sinh		55.929.422.291	55.929.422.291
			Số dư cuối kỳ			

Ngày mở sổ: 01/01/2016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn: Phòng kế toán công ty

2.2.4 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO

2.2.4.1 Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu phát sinh do lãi nhận được từ các khoản gửi ngân hàng, chi phí tài chính phát sinh do trả tiền lãi cho các khoản nợ vay.

2.2.4.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Giấy báo có, giấy báo nợ của ngân hàng
- Phiếu thu, phiếu chi
- Bản sao kê chi tiết tài khoản của ngân hàng gửi cho công ty
- Các chứng từ khác có liên quan

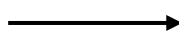
❖ **Tài khoản sử dụng**

- TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635 Chi phí tài chính

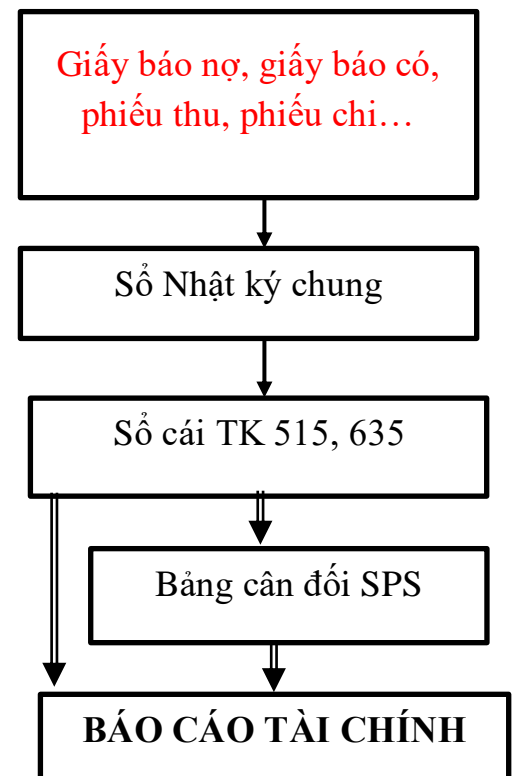
2.2.4.3 Quy trình hạch toán

Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng



Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán doanh thu và chi phí tài chính của Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng, phiếu chi, phiếu thu, bảng kê tính lãi vay, chi phí lãi vay... kế toán tiến hành ghi vào Sổ nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán vào Sổ cái TK 515, TK 635.
- Cuối kỳ, cộng số phát sinh trên Sổ cái và lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

2.2.4.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.4: Ngày 31/12/2016 phát sinh nghiệp vụ trả lãi vay cho ông Nguyễn Văn An số tiền 1.468.009 VNĐ

Căn cứ vào phiếu chi (Biểu số 2.12) và các chứng từ kế toán khác có liên quan kế toán định khoản nghiệp vụ.

Nợ TK 635: 1.468.009

Có TK 111: 1.468.009

Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.14) sau đó phản ánh vào Sổ cái TK 635 (Biểu số 2.15). Cuối kỳ lập Bảng cân đối số phát sinh, từ đó lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 2.5: Ngày 31/12 Ngân hàng CP Á Châu ACB – PGD TD Plaza thông báo lãi nhập vốn là 103.781 VNĐ

Căn cứ vào giấy báo có (Biểu số 2.13) và các chứng từ kế toán khác có liên quan kế toán định khoản nghiệp vụ.

Nợ TK 112: 103.781

Có TK 515: 103.781

Từ bút toán trên kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.14) sau đó phản ánh vào Sổ cái TK 515 (Biểu số 2.16) và kế toán căn cứ vào Giấy báo có ghi vào sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng tại Ngân hàng CP Á Châu ACB.

Cuối kỳ, từ Sổ cái kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.12: Phiếu chi 694

TCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

PHIẾU CHI

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số: 694

Nợ TK 635: 1.468.009

Có TK 111: 1.468.009

Họ, tên người nhận tiền: Nguyễn Văn An

Địa chỉ: Số 40 An Đà, phường Đông Khê, TP. Hải Phòng

Lý do chi: Thanh toán tiền lãi vay tháng 12

Số tiền: 1.468.009 (Viết bằng chữ): Một triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn không trăm linh chín đồng./.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu số 2.13: Giấy báo Có

NGÂN HÀNG Á CHÂU

Chi nhánh: ACB-PGD TD PLAZA

GIẤY BÁO CÓ

Ngày: 31/12/2016

Mã GDV: Nguyễn Thu Trang

Mã KH: 749942

Số GD:

Kính gửi: CTY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

Mã số thuế:

Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 771A56027194

Số tiền bằng số: 103.781

Số tiền bằng chữ: Một trăm linh ba nghìn bảy trăm tám mươi một đồng.

Nội dung: Lãi nhập vốn tháng 12

Giao dịch viên
(Ký, họ tên)

Kiểm soát
(ký, họ tên)

Biểu số 2.14: Trích Sổ Nhật ký chung

TCTY VẬN TÀI THỦY PETROLIMEX CTCP VẬN TÀI XĂNG DẦU VIPCO						
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Năm 2016						
Đơn vị : đồng						
Chứng từ			Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT	D			Nợ	Có
A	B		C	E	F	I
....
08/12	PC633	08/12	Chi tiền điện thoại BPBH T11	642 133 111	1.062.127 106.213	1.168.340
....
17/12	PXK971 HD0000836 PT561	17/12	Bán 10 bộ bình gas cho khách sạn Victory thu tiền mặt	632 156 111 511 3331	9.000.000 10.450.000	9.000.000 9.500.000 950.000
....
30/12	PXK981 HD0000149	30/12	Bán 20.000 lít dầu nhờn công nghiệp cho công ty TL	632 156 112 511 3331	395.000.000 495.000.000	395.000.000 450.000.000 45.000.000
31/12	PC694	31/12	Chi trả lãi vaytháng 12 cho ông An	635 111	1.468.009	1.468.009
31/12	GBC 31/12	31/12	Lãi nhập vốn tháng 12	112 515	103.781	103.781
....
			Tổng cộng		722.448.726.635	722.448.726.635

Ngày mở sổ: 01/01/2016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Kế toán ghi sổ
(ký tên, họ tên)Kế toán trưởng
(ký tên, họ tên)Giám đốc
(ký tên, họ tên, đóng dấu)

Nguồn: Phòng kế toán công ty

Biểu số 2.15: Trích Sổ cái TK 635

TCTY VẬN TÀI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TÀI XĂNG DẦU VIPCO

SỔ CÁI
Năm 2016
Tên TK: Chi phí tài chính
Số hiệu: TK 635

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số dư nợ đầu kỳ			
.....
31/12	PC694	31/12	Chi trả lãi vay t12 cho ông An	111	1.468.009	
31/12	PKT45	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911	31.664.387.983	
			Cộng số phát sinh		31.664.387.983	31.664.387.983
			Số dư nợ cuối kỳ			

Ngày mở sổ: 01/01/2016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn: Phòng kế toán công ty

Biểu số 2.16: Trích Sổ cái TK 515

TCTY VẬN TÀI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TÀI XĂNG DẦU VIPCO

SỔ CÁI

Năm 2016

Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: TK 515

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số dư nợ đầu kỳ			
....
31/12	GBC 31/12	31/12	Lãi nhập vốn tháng 12	112		103.781
31/12	PKT43	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	59.451.203.179	
			Cộng số phát sinh		59.451.203.179	59.451.203.179
			Số dư nợ cuối kỳ			

Ngày mở sổ: 01/01/2016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn: Phòng kế toán công ty

2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác : Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ nghiên cứu.

2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO

2.2.6.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu kế toán

❖ **Tài khoản sử dụng**

- TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

- Các TK khác có liên quan.

2.2.6.2 Quy trình hạch toán

Cuối kỳ, tập hợp số liệu từ Sổ cái của các tài khoản và sổ sách có liên quan, kế toán hạch toán các bút toán kết chuyển thông qua việc lập Phiếu kế toán và xác định kết quả kinh doanh.

Sau đó căn cứ vào các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, chi phí thuế TNDN kế toán vào Sổ Nhật ký chung rồi vào Sổ cái TK 911, 421...

Kế toán tổng hợp số liệu kết quả kinh doanh để lập Bảng cân đối số phát sinh và từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

2.2.6.3 Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.6: Xác định kết quả kinh doanh năm 2016

Trong năm doanh nghiệp kinh doanh lãi: 80.770.510.850

Sau khi kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí kế toán xác định doanh nghiệp kinh doanh năm 2016 lãi. Kế toán tiến hành lập các Phiếu kế toán số 042, 043, 044, 045, 046, 047, 048, 049 (Biểu số 2.17, 2.18, 2.19, 2.20).

Từ phiếu kế toán ghi Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.21), sau đó từ Sổ nhật ký chung phản ánh vào Sổ cái TK 911 (Biểu số 2.22), Sổ cái TK 421 (Biểu số 2.23).

Cuối kỳ, từ các Sổ cái và các sổ có liên quan lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Biểu số 2.24) và Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.17: Phiếu kế toán

TCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

PHIẾU KẾ TOÁN
Số 42

Đơn vị : đồng

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	630.819.031.186
	Cộng			630.819.031.186

Ngày....tháng.... năm

Kế toán ghi sổ
(ký tên,họ tên)

Kế toán trưởng
(ký tên,họ tên)

Giám đốc
(ký tên ,họ tên ,đóng dấu)

TCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

PHIẾU KẾ TOÁN
Số 43

Đơn vị : đồng

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	59.451.203.179
	Cộng			59.451.203.179

Ngày....tháng.... năm

Kế toán ghi sổ
(ký tên,họ tên)

Kế toán trưởng
(ký tên,họ tên)

Giám đốc
(ký tên ,họ tên ,đóng dấu)

Biểu số 2.18: Phiếu kế toán

TCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

PHIẾU KẾ TOÁN
Số 44

Đơn vị : đồng

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển giá vốn	911	632	504.349.561.885
	Cộng			504.349.561.885

Ngày....tháng.... năm

Kế toán ghi sổ
(ký tên,họ tên)
Kế toán trưởng
(ký tên,họ tên)
Giám đốc
(ký tên ,họ tên ,đóng dấu)

TCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

PHIẾU KẾ TOÁN
Số 45

Đơn vị : đồng

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	31.664.387.983
	Cộng			31.664.387.983

Ngày....tháng.... năm

Kế toán ghi sổ
(ký tên,họ tên)
Kế toán trưởng
(ký tên,họ tên)
Giám đốc
(ký tên ,họ tên ,đóng dấu)

Biểu số 2.19: Phiếu kế toánTCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 46

Đơn vị : đồng

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	55.929.422.291
	Cộng			55.929.422.291

Ngày....tháng.... năm

Kế toán ghi sổ
(ký tên,họ tên)Kế toán trưởng
(ký tên,họ tên)Giám đốc
(ký tên ,họ tên ,đóng dấu)TCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 47

Đơn vị : đồng

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
	Chi phí thuế TNDN	821	3334	19.942.465.256
	Cộng			19.942.465.256

Ngày....tháng.... năm

Kế toán ghi sổ
(ký tên,họ tên)Kế toán trưởng
(ký tên,họ tên)Giám đốc
(ký tên ,họ tên ,đóng dấu)

Biểu số 2.10: Phiếu kế toánTCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 48

Đơn vị : đồng

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển thuế TNDN	911	821	19.942.465.256
	Cộng			19.942.465.256

Ngày....tháng.... năm

Kế toán ghi sổ
(ký tên,họ tên)Kế toán trưởng
(ký tên,họ tên)Giám đốc
(ký tên ,họ tên ,đóng dấu)TCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 49

Đơn vị : đồng

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển lãi	911	421	80.770.510.850
	Cộng			80.770.510.850

Ngày....tháng.... năm

Kế toán ghi sổ
(ký tên,họ tên)Kế toán trưởng
(ký tên,họ tên)Giám đốc
(ký tên ,họ tên ,đóng dấu)

Biểu số 2.21: Trích sổ nhật ký chungTCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị : đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
PKT42	31/12	Kết chuyển DTBH	511	630.819.031.186	
			911		630.819.031.186
PKT43	31/12	Kết chuyển DTHĐTC	515	59.451.203.179	
			911		59.451.203.179
PKT44	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	504.349.561.885	
			632		504.349.561.885
PKT45	31/12	Kết chuyển CPTC	911	31.664.387.983	
			635		31.664.387.983
PKT46	31/12	Kết chuyển CPQLDN	911	55.929.422.291	
			642		55.929.422.291
PKT47	31/12	CP thuế TNDN	821	19.942.465.256	
			3334		19.942.465.256
PKT48	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	911	19.942.465.256	
			821		19.942.465.256
PKT49	31/12	Kết chuyển lãi	911	80.770.510.850	
			421		80.770.510.850
.....
		Tổng cộng		722.448.726.635	722.448.726.635

Ngày....tháng.... năm

Kế toán ghi sổ
(ký tên,họ tên)Kế toán trưởng
(ký tên,họ tên)Giám đốc
(ký tên ,họ tên ,đóng dấu)

Biểu số 2.22: Trích sổ cái TK 911

TCTY VẬN TÀI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TÀI XĂNG DẦU VIPCO

SỔ CÁI

Năm 2016

Tên TK: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: TK 911

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số dư đầu kỳ			
	PKT42	31/12	Kết chuyển DTBH	511		630.819.031.186
	PKT43	31/12	Kết chuyển DTHĐTC	515		59.451.203.179
	PKT44	31/12	Kết chuyển GVHB	632	504.349.561.885	
	PKT45	31/12	Kết chuyển CPTC	635	31.664.387.983	
	PKT46	31/12	Kết chuyển CPQLDN	642	55.929.422.291	
	PKT48	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	821	19.942.465.256	
	PKT49	31/12	Kết chuyển lãi	421	80.770.510.850	

			Cộng số phát sinh		690.207.234.400	690.207.234.400

Ngày mở sổ: 01/01/2016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.23: Trích sổ cái TK 421TCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO**SỔ CÁI**

Năm 2016

Tên TK: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Số hiệu: TK 421

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số dư đầu kỳ			
31/12	PKT49	31/12	Kết chuyển lãi	911	80.770.510.850	
			Cộng số phát sinh		80.770.510.850	80.770.510.850
			Số dư cuối kỳ			

Ngày mở sổ: 01/01/2016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán ghi sổ
(ký, họ tên)Kế toán trưởng
(ký, họ tên)Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.24: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016***Mẫu biểu: B02-DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		630.819.031.186	579.327.815.301
Các khoản giảm trừ doanh thu	02			2.409.718.939
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		630.819.031.186	576.918.096.362
Giá vốn hàng bán	11		504.349.561.885	432.874.207.973
Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		126.469.469.301	144.043.888.389
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	59.451.203.179	6.886.740.938
Chi phí tài chính	22	29	31.664.387.983	42.410.080.641
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	23		22.848.112.482	18.948.234.833
Phân lãi vay công ty liên kết	24		9.172.696.949	1.036.701.264
Chi phí bán hàng	25		6.378.869.961	5.326.676.054
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	55.929.422.291	43.464.874.152
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22+24-25-26)	30		101.120.689.194	60.765.699.744
Thu nhập khác	31		1.307.959.486	9.524.797.486
Chi phí khác	32		630.684.146	590.563.184
Kết quả từ hoạt động khác (40=31-32)	40		677.275.340	8.934.234.302

Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		101.797.964.534	69.699.934.046
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	19.942.465.256	16.150.277.248
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	33	1.084.988.428	(273.081.643)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		80.770.510.850	53.822.738.441
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		83.272.689.470	54.191.593.412
Cổ đông không kiểm soát	62		(2.502.178.620)	(368.854.971)
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	1.216	791

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHƯƠNG III
HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

3.1 Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán

Mục tiêu đến năm 2020, Việt Nam hoàn toàn hội nhập với quốc tế trong lĩnh vực kế toán. Trong giai đoạn đó 2010-2020 là giai đoạn củng cố hội nhập, giai đoạn này tiếp tục hoàn thiện hơn nữa hệ thống kế toán. Hệ thống kế toán của doanh nghiệp cũng không nằm ngoài xu hướng đó. Vì vậy, ngày càng hoàn thiện hệ thống kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò quan trọng giúp doanh nghiệp tồn tại và phát triển bền vững.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo những nguyên tắc:

Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán áp dụng, chế độ, chuẩn mực kế toán do Nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà phải linh hoạt để phù hợp với điều kiện, đặc điểm sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính cũng như yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Các thông tin, số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải được phản ánh kịp thời, khách quan, đầy đủ, đúng thực tế và đúng kỳ kế toán mà nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh.

Hoàn thiện trên cơ sở hợp lý, hợp lệ, tiết kiệm chi phí, thời gian nhưng vẫn phải đảm bảo hiệu quả công việc.

3.2 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO

Là một doanh nghiệp mới thành lập không lâu nhưng được đầu tư cơ sở kỹ thuật công ty có những biến chuyển tích cực trong hoạt động kinh doanh. Trong nền kinh tế thị trường đang diễn ra gay gắt giữa các thành phần kinh tế, các lĩnh vực kinh tế khác nhau, nhiều công ty không đứng vững dẫn đến phá sản hoặc giải thể. Do nhận thức kịp thời sự chuyển biến của nền kinh tế và phân tích đúng đắn nhu cầu thị trường, công ty đã có những phương hướng, giải pháp kinh tế hiệu quả khắc phục được những khó khăn và phát huy những thế mạnh mà công ty đang có để bắt kịp được sự phát triển của nền kinh tế.

Hàng năm, công ty thường xuyên tuyển mới, đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên, đồng thời cũng có những chế độ khen thưởng phù hợp, chính xác, khuyến khích tinh thần làm việc của công nhân viên. Ngoài ra, hàng năm công ty còn tổ chức các chuyến thăm quan cho các cán bộ, nhân viên công ty, giúp cho nhân viên công ty được thư giãn, hòa đồng, thêm thân thiết và càng thêm gắn bó với công ty.

Trong xu thế phát triển của mình, Công ty luôn tạo được niềm tin cho người tiêu dùng, luôn cố gắng mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh, vì thế Công ty luôn đặt mình trong môi trường cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành và đưa ra mục tiêu cung cấp sản phẩm chất lượng tốt nhất đem lại lợi ích cho người tiêu dùng.

Công tác kế toán của công ty nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được yêu cầu quản lý cũng như giúp chủ doanh nghiệp kiểm soát tình hình thực tế đồng thời đưa ra được những quyết định quản lý, chiến lược kinh doanh phù hợp và hiệu quả.

3.2.1 Ưu điểm

Là một doanh nghiệp luôn đảm bảo đầy đủ công ăn việc làm cho người lao động, thu nhập cán bộ công nhân viên ổn định, đồng thời thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước đầy đủ. Điều đó khẳng định vai trò và vị thế của công ty.

▪ Về tổ chức bộ máy kế toán

Xuất phát từ đặc điểm kinh doanh và tổ chức hệ thống kinh doanh của mình, Công ty đã lựa chọn bộ máy kế toán tập trung. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân công lao động, chuyên môn hóa công việc, tạo điều kiện nâng cao trình độ của kế toán viên. Trong phòng kế toán, các nhân viên kế toán có trình độ, có kinh nghiệm lâu năm, nhiệt tình trong công việc cũng như nhạy bén trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp thông tin kế toán. Mỗi kế toán viên được phân công nhiệm vụ cụ thể với từng phần hành cụ thể một cách hợp lý. Các kế toán viên phải chịu trách nhiệm trước kế toán trưởng về phần hành của mình, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời, chính xác cho đối tượng sử dụng. Điều này giúp cho công tác quản lý của Công ty nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng củng cố và lớn mạnh.

Về hình thức kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là phù hợp. Đây là hình thức sổ kế toán đơn giản, giúp cho kế toán thuận tiện trong việc ghi chép, xử lý số liệu kế toán mà còn tiết kiệm được thời gian và công sức, tạo điều kiện cho việc cung cấp thông tin đầy đủ kịp thời.

Với sự hỗ trợ của kế toán máy Excel, việc ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được nhanh chóng hơn, tiết kiệm thời gian và công sức.

▪ **Về chứng từ kế toán sử dụng**

Công ty sử dụng chứng từ theo Chế độ kế toán doanh nghiệp lớn (Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính).

Chứng từ kế toán của công ty được lập rõ ràng, đầy đủ, kịp thời và chính xác theo nội dung quy định trên mẫu. Được lập theo đúng nội dung của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh, đúng số liên theo quy định, được lập sạch sẽ, không tẩy xóa, sửa chữa, chữ viết liên tục, có đủ chữ ký, dấu theo quy định.

Tất cả các chứng từ kế toán của công ty được sắp xếp rất khoa học, gọn gàng, theo đúng nội dung kinh tế, theo đúng trình tự thời gian và được bảo đảm an toàn theo quy định của Nhà nước. Nhờ đó, việc tìm chứng từ luôn được nhanh chóng, chính xác, giúp cho các cơ quan thuế, cơ quan kiểm toán cũng như các cơ quan quản lý kiểm tra, kiểm soát được nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng, tiết kiệm thời gian

Về hệ thống báo cáo kế toán:

Công ty sử dụng đúng mẫu báo cáo kế toán do Nhà nước quy định dành cho Chế độ Doanh nghiệp (Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính).

▪ **Về phương thức thanh toán**

Công ty áp dụng hai phương thức thanh toán: tiền mặt và chuyển khoản. Trong đó, phương thức thanh toán tiền mặt được sử dụng nhiều hơn cả.

Phương thức thanh toán bằng tiền mặt chủ yếu được công ty sử dụng với phương thức bán lẻ tại cửa hàng, bán buôn với một số khách hàng.

Còn phương thức thanh toán chuyển khoản được công ty sử dụng chủ yếu trong phương thức bán buôn với lượng hàng lớn. Vì phương thức bán buôn thường là những đơn hàng trị giá lớn nên thanh toán chuyển khoản giúp công ty kiểm soát được luồng tiền của mình, tránh được các rủi ro như tiền giả, mất mát,...

3.2.2 Hạn chế

❖ Về sổ sách sử dụng:

Việc tập hợp hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tương đối hoàn chỉnh nhưng Công ty vẫn còn rất hạn chế trong việc mở Sổ chi tiết cho các tài khoản, Bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản. Điều này đã gây trở ngại cho việc theo dõi tại Công ty. Cụ thể là đối với sổ chi tiết:

- Sổ chi tiết bán hàng: Việc mở sổ chi tiết bán hàng sẽ giúp cho kế toán theo dõi chi tiết doanh thu của từng loại hàng hóa và tính toán được lãi gộp của từng mặt hàng hóa. Công ty không mở sổ chi tiết bán hàng vì vậy kế toán chỉ có thông tin về tổng doanh thu mà không có thông tin về lãi gộp.

- Sổ chi tiết giá vốn hàng bán: Việc mở sổ này nhằm giúp cho kế toán theo dõi giá vốn từng mặt hàng bán ra vì công ty có rất nhiều mặt hàng khác nhau. Khi công ty không mở sổ chi tiết giá vốn hàng bán kế toán sẽ khó có thể theo dõi được giá vốn của từng mặt hàng để từ đó đưa ra được những quyết định cho việc kinh doanh.

- Công ty chưa mở sổ chi tiết chi phí quản lý kinh doanh do đó không có thông tin về các yếu tố chi phí trong khoản mục chi phí này.

❖ Về tài khoản sử dụng

Chi phí quản lý doanh nghiệp được tập hợp chung trên TK 642 – “Chi phí quản lý kinh doanh” mà không được chi tiết theo từng khoản mục, ảnh hưởng đến việc quản lý chi phí. Chi phí này thường khá lớn trong tổng chi phí, do vậy công ty cần chi tiết tài khoản này theo chế độ, đảm bảo việc theo dõi được chặt chẽ, góp phần giảm chi phí gián tiếp cho công ty.

❖ Về chính sách bán hàng:

Theo Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của ba năm gần đây, doanh nghiệp chưa có hình thức khuyến khích khách hàng mua nhiều với số lượng lớn như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán.

❖ Về thời điểm ghi chép sổ sách kế toán:

Hiện nay, đa số các nghiệp vụ kinh tế về doanh thu, chi phí phát sinh được ghi vào cuối kỳ, cùng vào thời điểm lập Báo cáo tài chính nên công việc kế toán tại phòng kế toán bị dồn vào cuối năm rất nhiều, điều này có thể ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc và dễ gây nhầm lẫn sai sót, ảnh hưởng đến tiến độ công việc.

3.3 Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO.

3.3.1 Tính tất yếu của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Trong cơ chế thị trường hiện nay, với sự khuyến khích và mở cửa của Nhà nước đã xuất hiện không ít những doanh nghiệp tham gia vào các lĩnh vực kinh doanh khác nhau. Để quản lý tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, có nhiều công cụ khác nhau trong đó kế toán là một công cụ hữu hiệu trong nền kinh tế thị trường đầy rủi ro và tính cạnh tranh cao, mang lại nhiều lợi nhuận nhất và tiết kiệm chi phí đến mức có thể. Để làm được điều đó, đòi hỏi phải tổ chức khâu quản lý chặt chẽ và hiệu quả.

Mặt khác, kế toán tài chính giống như “quả tim” của doanh nghiệp, nó cho biết được “tình trạng sức khỏe” của doanh nghiệp. Bộ máy kế toán yếu kém thì tình hình hoạt động kinh doanh của công ty cũng không hiệu quả. Về lâu dài thì điều này là không tốt cho doanh nghiệp. Bởi vậy, việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng là hết sức cần thiết.

Tổ chức được bộ máy kế toán hiệu quả sẽ giúp cho nhà quản lý nắm bắt được tình hình tài chính cũng như tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kỳ một cách kịp thời, chính xác. Từ đó giúp cho nhà quản lý xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển công ty và quyết định đầu tư đúng đắn, đưa doanh nghiệp ngày càng phát triển bền vững.

3.3.2 Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO

Dựa trên những hạn chế đã nêu ở trên và những kiến thức đã được học em xin đưa ra một số ý kiến như sau:

❖ Ý kiến 1: Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại công ty

Tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO kế toán chỉ mở Sổ cái TK 511 để theo dõi doanh thu của tất cả các mặt hàng mà khôn mở riêng cho từng loại. Khi hạch toán doanh thu bán hàng kế toán cần hạch toán chi tiết doanh thu bán của từng loại mặt hàng bán ra nhằm giúp công ty nắm được chi tiết từng loại hàng hóa tiêu thụ như thế nào trong kỳ, lãi gộp của từng mặt hàng. Từ đó các cấp lãnh đạo có thể đưa ra được chiến lược tiêu thụ hàng hóa như: marketing, tìm kiếm thị

trường, nâng cao chất lượng sản phẩm. Vì vậy công ty nên mở Sổ chi tiết bán hàng theo mẫu quy định của Bộ tài chính.

Khi hạch toán Giá vốn hàng bán kế toán nên hạch toán chi tiết từng loại hàng hóa bán ra vì đây là mục tiêu so sánh giữa giá vốn hàng hóa bán ra so với giá bán của từng loại hàng hóa. Chỉ có hạch toán chi tiết giá vốn của từng hàng hóa bán ra thì Công ty mới kiểm tra được kết quả từ khâu nhập hàng hóa đến khâu tiêu thụ hàng hóa như thế nào để từ đó vạch ra các kế hoạch tiết kiệm chi phí mà vẫn đạt được hiệu quả, chất lượng hàng hóa tốt tạo ra sức cạnh tranh trên thị trường. Vì vậy, Công ty nên lập Sổ chi phí sản xuất kinh doanh.

Đối với chi phí Quản lý kinh doanh, doanh nghiệp chưa chi tiết theo yếu tố chi phí. Hạch toán chi tiết ra Công ty mới kiểm soát được chi tiêu để từ đó đưa ra được những biện pháp thích hợp nhằm mục đích cắt giảm chi phí nâng cao lợi nhuận. Vì vậy Công ty nên lập Sổ chi phí sản xuất kinh doanh.

Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàngTCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên sản phẩm: Dầu nhờn công nghiệp

Năm: 2016

NTGS			Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu				Các khoản giảm trừ	
	SH	NT			SL	Đơn giá	Thành tiền		Thuế	Khác (521)
							Nợ	Có		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
					
30/12	HĐ 0000312	30/12	Bán dầu nhờn công nghiệp	112	20.000	22.500		450.000.000		
			...							
			Cộng SPS							

- Ngày mở sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(ký, họ tên)Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu số 3.2: Sổ chi tiết giá vốn hàng bán

TCTY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CTCP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tên sản phẩm: Dầu nhờn công nghiệp

Năm: 2016

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Giá vốn	
	SH	NT				SL	Thành tiền
A	B	C	D	E		5	6
			...				
30/12	HĐ 0000149	30/12	Bán dầu nhờn công nghiệp cho công ty TL	156	19.750	20.000	395.000.000
			...				
			Cộng SPS				

- Ngày mở sổ

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

❖ **Ý kiến 2:** về chính sách bán hàng

Trong tình hình thị trường cạnh tranh gay gắt, nhiều bất ổn, giá cả mặt hàng không ngừng biến động, vì vậy để tồn tại và phát triển vững mạnh thì ngoài những chính sách bán hàng truyền thống, công ty nên có những chính sách bán hàng mới như: Có chính sách giảm giá, chiết khấu cho những khách hàng lớn, quen thuộc, mua nhiều với số lượng lớn.

Tùy từng mặt hàng, công ty có thể áp dụng các chính sách giảm giá, chiết khấu cho phù hợp. Cụ thể:

- Với những khách hàng quen thuộc, thường xuyên nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại. Tùy theo trị giá lô hàng, công ty có thể áp dụng mức chiết khấu từ 10% đến 15% trên trị giá lô hàng.

Với chính sách chiết khấu nhằm khuyến khích khách hàng công ty nên thêm Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại: phản ánh số giảm giá cho người mua hàng với khối lượng lớn được ghi trên hóa đơn bán hàng.

Khi doanh nghiệp thực hiện chiết khấu thương mại cho những khách hàng mua với khối lượng lớn, căn cứ vào hóa đơn bán hàng và các chứng từ liên quan khác, kế toán ghi:

Nợ TK 521 – Các khoản giảm trừ (5211-Chiết khấu thương mại)

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp (nếu có)

Có các TK 111, 112, 131, ...

- Với những khách hàng thanh toán tiền ngay, thanh toán sớm hơn thời hạn thỏa thuận ban đầu nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán. Tùy theo trị giá lô hàng, công ty có thể áp dụng mức chiết khấu từ 5% đến 10% trên trị giá lô hàng. Khi doanh nghiệp thực hiện chiết khấu thanh toán cho khách hàng, căn cứ vào hóa đơn bán hàng và các chứng từ liên quan khác, kế toán ghi:

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính

Có các TK 111, 112

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vị trí rất quan trọng trong công tác kế toán của Doanh nghiệp. Việc xác định, phản ánh kịp thời, chính xác, chi tiết, cụ thể tình hình doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp nhà quản trị nắm được tình hình tài chính của công ty và đưa ra được những phương hướng phát triển đúng đắn trong doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập tại Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO cùng với những kiến thức đã được học tại trường, em đã nhận thức được vai trò của công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Có thể nói, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty tương đối khoa học, hợp lý song cũng không tránh khỏi những hạn chế. Vận dụng những kiến thức đã được học kết hợp với kiến thức thực tế, em mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Do em chưa có nhiều kinh nghiệm, trình độ nhận thức còn hạn chế nên không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự chỉ bảo, góp ý chân thành của các thầy cô để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo, các anh chị trong phòng kế toán của Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO đã tạo điều kiện cũng như sự hướng dẫn tận tình của cô giáo ThS. Lê Thị Nam Phương để em có thể hoàn thành tốt bài khóa luận tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên
Trần Thị Mai Anh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính, *Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp* theo Thông tư 200 (2014), Bộ Tài chính.
2. Bộ Tài chính, *333 sơ đồ kế toán doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Tài chính (2012).
3. Bộ Tài chính, *Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam* ban hành theo quyết định số 100 (2015), Bộ Tài chính.
4. Trần Xuân Nam, *Kế toán tài chính*, Nhà Xuất bản Thống kê (2012).
5. Sổ sách, tài liệu của công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO.